



**BỘ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN**

THÔNG TIN

**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỶ

10

Tháng 5 - 2017

THỨ TRƯỞNG PHAN THỊ MỸ LINH DỰ HỘI NGHỊ ĐỐI THOẠI APEC 2017 VỀ ĐÔ THỊ HÓA BỀN VỮNG

Hà Nội, ngày 14 tháng 5 năm 2017



Thủ tướng Phan Thị Mỹ Linh phát biểu tại Hội nghị



Quang cảnh Hội nghị

THÔNG TIN
**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG
MỖI THÁNG 2 KỶ

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH
NĂM THỨ MƯỜI TÁM

10

SỐ 10 - 5/2017



TRUNG TÂM THÔNG TIN

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : (04) 38.215.137

(04) 38.215.138

FAX : (04) 39.741.709

Email: ttth@moc.gov.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

MỤC LỤC

Văn bản quản lý

Văn bản các cơ quan TW

- Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định phê duyệt 5
Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Vũng
Tàu đến năm 2035
- Chính phủ ban hành Nghị định quy định các loại giấy 7
tờ hợp pháp về đất đai để cấp giấy phép xây dựng
- Bộ Xây dựng ban hành Đề án “Nâng cao năng suất 8
và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của ngành sản xuất
vật liệu xây dựng đến năm 2020”
- Bộ Xây dựng ban hành Kế hoạch hành động của 11
ngành Xây dựng về tăng trưởng xanh đến năm 2020,
định hướng đến năm 2030

Văn bản của địa phương

- UBND tỉnh Hậu Giang ban hành Quy định về phát 12
triển và quản lý nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh
- UBND thành phố Hà Nội ban hành Quy định các nội 15
dung thuộc thẩm quyền của UBND thành phố Hà Nội
về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu
hồi đất trên địa bàn thành phố

CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH

ĐỖ HỮU LỰC

Phó giám đốc Trung tâm

Thông tin

Ban biên tập:

CN. BẠCH MINH TUẤN

(Trưởng ban)

CN. ĐỖ THỊ KIM NHẬN

CN. NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC

CN. NGUYỄN THỊ LỆ MINH

ThS. PHẠM KHÁNH LY

CN. TRẦN ĐÌNH HÀ

CN. NGUYỄN THỊ MAI ANH

Khoa học công nghệ xây dựng

- Nghiệm thu đề tài "Sổ tay hướng dẫn lập quy hoạch phân khu đô thị" 19
- Hội thảo "Đổi mới, tăng cường công tác quản lý, đảm bảo an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình" 20
- Sử dụng các thiết bị kháng rung chấn trong các công trình có không gian ngầm 22
- Mô hình hóa các cấu trúc chức năng công trình cao tầng 24
- Những công nghệ cải tiến được ứng dụng để bảo tồn các công trình di sản tại Saint Peterburg (Nga) 29
- An toàn lao động trong thi công xây lắp 32
- Phát triển theo định hướng giao thông công cộng và thực tiễn đổi mới loại hình bãi đỗ xe 36

Thông tin

- Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh dự Hội nghị đối thoại APEC 2017 về đô thị hóa bền vững 39
- Bộ Chính trị kiểm tra công tác quy hoạch, luân chuyển cán bộ tại Bộ Xây dựng 40
- Khai mạc Triển lãm quốc tế VIETBUILD Hà Nội 2017 lần thứ hai 42
- Hội nghị biểu dương các tấm gương lao động giỏi, lao động sáng tạo toàn quốc ngành Xây dựng năm 2017 43
- Hội thảo "Hoàn thiện hệ thống định mức và giá xây dựng phù hợp với kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế" 45
- Một số đối sách quan trọng giúp nâng cao lợi nhuận cho doanh nghiệp xây dựng 46

VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW**Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định
phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung
thành phố Vũng Tàu đến năm 2035**

Ngày 04 tháng 5 năm 2017, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 606/QĐ-TTg phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Vũng Tàu đến năm 2035.

Phạm vi lập quy hoạch: Toàn bộ địa giới hành chính thành phố Vũng Tàu, tổng diện tích là 15.000 ha. Phía Đông và Nam giáp biển Đông và một phần huyện Long Điền; phía Tây giáp vịnh Gành Rái; phía Bắc giáp thành phố Bà Rịa và một phần huyện Tân Thành.

Mục tiêu quy hoạch chung: Xây dựng Vũng Tàu thành một thành phố dịch vụ du lịch, tài chính, thương mại, mang tầm vóc quốc gia, khu vực và quốc tế; phát triển mạnh về kinh tế biển và phấn đấu trở thành thành phố xanh, sạch, đẹp, văn minh, thân thiện.

Mục tiêu cụ thể

- Tiếp tục phát triển công nghiệp hóa dầu và các ngành công nghiệp, dịch vụ đồng hành;

- Củng cố thương hiệu thành phố du lịch nghỉ dưỡng biển đối với quốc gia và quốc tế, thông qua nâng cấp chất lượng không gian và dịch vụ đô thị, hấp dẫn các nhà đầu tư du lịch quốc tế, đa dạng hóa sản phẩm du lịch, khai thác bền vững tài nguyên du lịch hiện có.

- Hỗ trợ dịch vụ hậu cần nghề cá kết hợp với bảo vệ môi trường;

- Đầu tư và tiếp tục hoàn thiện, nâng cao chất lượng công trình hạ tầng kỹ thuật đầu mối và các tuyến giao thông trọng yếu.

- Hoàn thiện và nâng cấp hệ thống hạ tầng xã hội, nâng cao chất lượng sống toàn thành phố.

Chức năng

- Đây là trung tâm kinh tế, văn hóa, dịch vụ công cộng và đầu mối giao lưu quan trọng của vùng Đông Nam Bộ, vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam, vùng tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu,

Những yêu cầu trọng tâm trong nội dung điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Vũng Tàu

Rà soát tổng thể về nội dung quy hoạch chung đã được phê duyệt năm 2005 và tình hình thực tiễn phát triển đô thị tại thành phố Vũng Tàu;

Định hướng phát triển các khu vực đô thị, quỹ đất phát triển đô thị, quy hoạch sử dụng đất, quy mô các khu vực chức năng.

Bổ sung các nội dung mới về thiết kế đô thị, đánh giá môi trường chiến lược, ứng phó biến đổi khí hậu và nước biển dâng, hệ thống giao thông công cộng, hệ thống không gian ngầm đô thị, chiếu sáng trang trí đô thị.

Nghiên cứu các chỉ tiêu kiểm soát phát triển đô thị và các phương pháp bảo tồn cảnh quan đô thị, khả năng cung ứng về hạ tầng kỹ thuật.

Xây dựng các kế hoạch, chương trình phát triển đô thị; cải tạo, chỉnh trang các khu vực hiện hữu, điều chỉnh các quy hoạch phân khu, chi tiết trên địa bàn thành phố, nâng cấp xã Long Sơn lên phường.

Nghiên cứu đề xuất định hướng phát triển nông nghiệp sinh thái, công nghệ cao trong đô thị.

Nội dung hồ sơ điều chỉnh quy hoạch

chung thành phố Vũng Tàu*Phân tích vị trí và mối quan hệ vùng*

- Vị trí: Phân tích các lợi thế và hạn chế do vị trí tạo ra.

- Quan hệ vùng: Phân tích bối cảnh quốc tế, khu vực, trong nước, vùng Thành phố Hồ Chí Minh, vùng tỉnh và những ảnh hưởng qua lại với sự phát triển đô thị tại Vũng Tàu.

Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên và hiện trạng:

- Lược sử quá trình phát triển đô thị: Nguyên nhân của sự hợp lý và những bất cập trong cấu trúc không gian đô thị, nhận diện di sản đô thị.

- Đánh giá hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội

- Hiện trạng dân cư, lao động, việc làm;

- Hiện trạng đất đai: Phân tích và đánh giá về hiện trạng sử dụng đất đai; vấn đề nhà ở và hệ thống hạ tầng xã hội; xác định các vùng bảo vệ cảnh quan, môi trường, di tích văn hóa lịch sử có giá trị, hành lang kỹ thuật quốc gia, vùng khoáng sản.

- Phân tích cấu trúc đô thị, thực trạng phát triển của đô thị và tình hình triển khai các quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết và dự án đầu tư xây dựng theo Quy hoạch.

- Đánh giá hiện trạng các hệ thống hạ tầng kỹ thuật và bảo vệ môi trường trên các lĩnh vực.

Định hướng phát triển không gian đô thị

- Xây dựng các chiến lược khung phù hợp với các định hướng của Quy hoạch tổng thể kinh tế xã hội hiện hành của vùng, tỉnh, thành phố;

- Đề xuất mô hình cấu trúc không gian đô thị; Định hướng phát triển không gian toàn đô thị;

Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội

Đề xuất quy mô và các giải pháp phân bố hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội cấp vùng, cấp thành phố đảm bảo phát triển bền vững.

Thiết kế đô thị

Xác định các vùng kiến trúc, cảnh quan, các

khu vực trung tâm, khu vực cửa ngõ của đô thị, trục không gian chính, quảng trường lớn, không gian cây xanh - mặt nước, điểm nhấn trong đô thị, tổ chức không gian, kiến trúc cho các khu đô thị hiện hữu và mở rộng.

Quy hoạch sử dụng đất đai

Xác định chức năng các khu vực; chỉ tiêu về mật độ dân cư, chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị; định hướng và nguyên tắc phát triển đối với từng khu chức năng; kế hoạch sử dụng đất theo từng giai đoạn phát triển; xác định quỹ đất dự kiến xây dựng đô thị, ranh giới các khu vực đô thị và nông thôn.

Định hướng xây dựng khung hạ tầng kỹ thuật

- Đề xuất các giải pháp cao độ nền và thoát nước mặt đảm bảo tôn trọng địa hình tự nhiên, an toàn về lũ, úng, phòng tránh hiểm họa thiên tai...

- Đề xuất mạng lưới giao thông phù hợp với cấu trúc không gian thành phố Vũng Tàu kết nối hợp lý với các đô thị khác trong vùng.

- Giải pháp cấp nước về nguồn và mạng lưới đảm bảo sử dụng tiết kiệm tài nguyên nước, tái sử dụng nguồn nước.

- Giải pháp cấp điện và chiếu sáng đô thị đảm bảo tiết kiệm và sử dụng năng lượng hiệu quả; nghiên cứu các nguồn cấp năng lượng tự nhiên khác. Có giải pháp chiếu sáng cảnh quan các khu vực điểm nhấn cảnh quan ban đêm.

- Giải pháp về hạ tầng viễn thông tự động

- Các giải pháp thoát nước thải và thu gom xử lý chất thải rắn đảm bảo áp dụng kỹ thuật hiện đại, không gây ảnh hưởng đến môi trường sinh thái tự nhiên và cảnh quan đô thị.

- Vị trí và quy mô các nghĩa trang phù hợp địa hình tự nhiên, không làm ảnh hưởng đến cảnh quan đô thị.

Thời gian hoàn thành: Không quá 12 tháng kể từ ngày Nhiệm vụ quy hoạch được duyệt.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Xem toàn văn tại (www.chinhphu.vn)

Chính phủ ban hành Nghị định quy định các loại giấy tờ hợp pháp về đất đai để cấp giấy phép xây dựng

Ngày 08 tháng 5 năm 2017, Chính phủ đã có Nghị định số 53/2017/NĐ-CP quy định các loại giấy tờ hợp pháp về đất đai để cấp giấy phép xây dựng.

Theo đó, giấy tờ thuộc một trong các loại sau đây sẽ được xem là giấy tờ hợp pháp về đất đai để được cấp phép xây dựng:

1. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp theo quy định của Luật đất đai 1987, Luật đất đai 1993, Luật đất đai sửa đổi 2001, Luật đất đai 2003.

2. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được cấp theo quy định của Luật đất đai 2013, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản năm 2009.

3. Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở được cấp theo quy định tại Nghị định 60/CP ngày 05/7/ 1994, Nghị định 61/CP ngày 05/7/1994.

4. Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở; giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng đã được cấp theo quy định tại Pháp lệnh nhà ở 1991; Luật nhà ở 2005; Nghị định 81/2001/NĐ-CP; Nghị định 95/2005/NĐ-CP; Nghị định 90/2006/NĐ-CP; Nghị định 51/2009/NĐ-CP; Điều 31, Điều 32 Nghị định 43/2014/NĐ-CP; các giấy chứng nhận khác về quyền sở hữu nhà ở, quyền sở hữu công trình xây dựng đã được cấp theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về nhà ở, pháp luật về xây dựng qua các thời kỳ.

5. Các loại giấy tờ đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận gồm: Các loại giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật đất đai

2013; Điều 18 của Nghị định 43/2014/NĐ-CP và quy định tại khoản 16 Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP hoặc giấy xác nhận của UBND cấp xã và được cơ quan đăng ký đất đai xác nhận đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

6. Giấy tờ về đất đai đối với trường hợp được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất từ sau ngày 01/7/2004 nhưng không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai, gồm: Quyết định giao đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc Quyết định cho thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và hợp đồng thuê đất kèm theo (nếu có) hoặc giấy tờ về trúng đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất hoặc Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

7. Báo cáo rà soát, kê khai hiện trạng sử dụng đất đối với trường hợp tổ chức, cơ sở tôn giáo đang sử dụng mà chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được UBND tỉnh nơi có đất kiểm tra và quyết định xử lý theo quy định tại Điều 28 Nghị định 43/2014/NĐ-CP.

8. Giấy tờ về việc xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh đối với trường hợp cấp giấy phép xây dựng để thực hiện xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo hoặc di dời các công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định tại Điều 27 Nghị định 43/2014/NĐ-CP.

9. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc văn bản chấp thuận về địa điểm xây dựng của UBND cấp huyện đối với công trình xây dựng biển quảng cáo, trạm viễn thông, cột ăng-ten tại khu vực không thuộc nhóm đất có mục đích sử dụng để xây dựng và không được chuyển đổi mục đích sử dụng đất.

10. Hợp đồng thuê đất được giao kết giữa chủ đầu tư xây dựng công trình và người quản lý, sử dụng công trình giao thông hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về giao thông đối với công trình được phép xây dựng trong phạm vi đất dành cho giao thông theo quy định của pháp luật.

11. Văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp người sử dụng đất đã có giấy tờ hợp pháp về đất đai theo quy định tại các

Khoản 1, 2, 3, 4 và 5 này nhưng đề nghị được cấp giấy phép xây dựng sử dụng vào mục đích khác với mục đích sử dụng đất đã được ghi trên giấy tờ đó.

12. Văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo đề nghị của cơ quan cấp giấy phép xây dựng để xác định diện tích các loại đất đối với trường hợp người sử dụng đất có một trong các loại giấy tờ hợp pháp về đất đai theo quy định tại các Khoản 1, 2, 3, 4 và 5 này nhưng trên các giấy tờ đó không ghi rõ diện tích các loại đất để làm cơ sở cấp giấy phép xây dựng.

Nghị định 53/2017/NĐ-CP bắt đầu có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25/6/2017.

Xem toàn văn tại (www.chinhphu.vn)

Bộ Xây dựng ban hành Đề án “Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của ngành sản xuất vật liệu xây dựng đến năm 2020”

Ngày 12 tháng 4 năm 2017, Bộ Xây dựng đã có Quyết định số 299/QĐ-BXD phê duyệt Đề án “Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của ngành sản xuất vật liệu xây dựng đến năm 2020”.

Mục tiêu chung

Xây dựng, hoàn thiện và áp dụng hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, các hệ thống quản lý, mô hình, công cụ cải tiến năng suất và chất lượng; phát triển nguồn lực cần thiết để nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngành vật liệu xây dựng;

Tạo bước chuyển biến rõ rệt về năng suất và chất lượng của các sản phẩm, hàng hóa chủ lực, khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, đóng góp tích cực vào sự phát triển của ngành xây dựng nói riêng và kinh tế - xã hội của đất nước.

Mục tiêu cụ thể

Đến năm 2020, tập trung nâng cao năng suất và chất lượng của 04 nhóm vật liệu xây dựng chủ yếu: xi măng, vật liệu ốp lát, sứ vệ sinh và kính xây dựng. Cụ thể là:

+ Đầu tư, nâng cao năng lực 03 phòng thử nghiệm vật liệu đáp ứng nhu cầu cho các doanh nghiệp và các cơ quan quản lý.

+ Hình thành và duy trì hoạt động 01 trang thông tin điện tử về năng suất và chất lượng là nơi giới thiệu, chia sẻ thông tin, kiến thức và sinh hoạt của mạng lưới năng suất và chất lượng sản phẩm.

+ Đào tạo được 100 chuyên gia năng suất và chất lượng sản phẩm trong lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng.

+ Xây dựng tối thiểu 04 mô hình điểm (mỗi nhóm sản phẩm tối thiểu 01 mô hình) làm cơ sở để tuyên truyền, vận động, phổ biến cho các cơ sở sản xuất khác học tập, áp dụng.

Các chỉ tiêu cụ thể đối với ngành sản xuất xi măng

- Xây dựng mới 05 tiêu chuẩn, soát xét 23 tiêu chuẩn hiện có phù hợp với khu vực và thế giới;
- 58 nhà máy (đạt tỷ lệ 100%) thực hiện ISO 9001:2015 hoặc hệ thống quản lý chất lượng tương ứng;
- 46 nhà máy (đạt tỷ lệ 79%) thực hiện ISO 14001:2015 hoặc hệ thống quản lý môi trường tương ứng;
- 25 nhà máy (đạt tỷ lệ 43%) thực hiện đề án nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm;
- 100% nhà máy được cấp phép khai thác mỏ thực hiện hoàn thổ phục hồi môi trường theo quy định;

Đối với ngành sản xuất vật liệu ốp lát

- Xây dựng mới 09 tiêu chuẩn, soát xét 19 tiêu chuẩn hiện có phù hợp với khu vực và thế giới;
- 83 nhà máy (đạt tỷ lệ 100%) thực hiện ISO 9001:2015 hoặc hệ thống quản lý chất lượng tương ứng;
- 66 nhà máy (đạt tỷ lệ 79%) thực hiện ISO 14001:2015 hoặc hệ thống quản lý môi trường tương ứng;
- 36 nhà máy (đạt tỷ lệ 43,4%) thực hiện đề án nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm;
- 100% nhà máy được cấp phép khai thác mỏ thực hiện hoàn thổ phục hồi môi trường theo quy định;

Với ngành sản xuất sứ vệ sinh:

- Xây dựng mới 23 tiêu chuẩn, soát xét 05 tiêu chuẩn hiện có phù hợp với khu vực và thế giới;
- 27 nhà máy (đạt tỷ lệ 100%) thực hiện ISO 9001:2015 hoặc hệ thống quản lý chất lượng tương ứng; 22 nhà máy (đạt tỷ lệ 81,5%) thực hiện ISO 14001:2015 hoặc hệ thống quản lý môi trường tương ứng;
- 12 nhà máy (đạt tỷ lệ 44,5%) thực hiện đề án nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm;

- 100% nhà máy được cấp phép khai thác mỏ thực hiện hoàn thổ phục hồi môi trường theo quy định;

Ngành sản xuất kính xây dựng

- Xây dựng mới 09 tiêu chuẩn, soát xét 31 tiêu chuẩn hiện có phù hợp với khu vực và thế giới;
- 09 nhà máy (đạt tỷ lệ 100%) thực hiện ISO 9001:2015 hoặc hệ thống quản lý chất lượng tương ứng;
- 07 nhà máy (đạt tỷ lệ 77,8%) thực hiện ISO 14001:2015 hoặc hệ thống quản lý môi trường tương ứng;
- 04 nhà máy (đạt tỷ lệ 44,5%) thực hiện đề án nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm;

Nhiệm vụ chủ yếu của Đề án

- Tuyên truyền, vận động các doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngành sản xuất vật liệu xây dựng
 - Phổ biến, tuyên truyền về nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm
 - + Biên soạn tài liệu và phổ biến tuyên truyền sâu rộng đến các doanh nghiệp và người sản xuất, trước hết là các doanh nghiệp trực tiếp tham gia Đề án về vai trò, tầm quan trọng của việc nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm; các giải pháp nâng cao năng suất và chất lượng các loại sản phẩm, hàng hóa
 - + Tuyên truyền phổ biến tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, các quy trình công nghệ tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật, hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn quốc tế, mô hình, công cụ cải tiến;
 - + Biên soạn, phát hành các ấn phẩm tuyên truyền quảng bá về các doanh nghiệp điển hình trong việc áp dụng các giải pháp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm để nhân rộng trong sản xuất.
 - Thiết lập trang tin điện tử cập nhật thông tin tình hình và kết quả thực hiện Đề án, ứng dụng tiến bộ khoa học và đổi mới công nghệ, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn, hệ thống quản lý cho các doanh nghiệp, người sản xuất tham khảo và áp dụng.

Xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật

- Lập quy hoạch, kế hoạch xây dựng Tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN) cho các nhóm sản phẩm chủ lực đáp ứng mục tiêu, yêu cầu nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hài hòa với tiêu chuẩn quốc tế và khu vực;

- Tổ chức xây dựng, bổ sung, soát xét Quy chuẩn Việt Nam (QCVN), TCVN theo quy hoạch, kế hoạch; phổ biến QCVN, TCVN; hướng dẫn, tư vấn cho doanh nghiệp xây dựng và áp dụng bộ tiêu chuẩn cơ sở.

Áp dụng hệ thống quản lý, mô hình, công cụ cải tiến năng suất và chất lượng sản phẩm

- Xây dựng thí điểm và nhân rộng doanh nghiệp sản xuất áp dụng các hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn quốc tế: Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 cho các ngành sản xuất; hệ thống quản lý chất lượng phòng thử nghiệm ISO/IEC 17025; hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp OSHAS 18001; hệ thống quản lý môi trường ISO 14001; hệ thống quản lý năng lượng ISO 50001...;

- Xây dựng thí điểm và nhân rộng doanh nghiệp sản xuất áp dụng các công cụ cải tiến năng suất và chất lượng: 5S, Kaizen; nhóm chất lượng QCC; kỹ thuật chuẩn đoán doanh nghiệp; chỉ số đánh giá hoạt động chính KPI ...;

- Xây dựng thí điểm và nhân rộng doanh nghiệp sản xuất áp dụng mô hình hoạt động xuất sắc BE; cải tiến năng suất toàn diện PMS; quản lý chất lượng toàn diện TQM...

Nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học và đổi mới công nghệ

- Xây dựng các định mức năng lượng, nguyên liệu, tiêu chí đánh giá năng suất chất lượng, hướng dẫn thực hiện và nhân rộng mô hình;

- Nghiên cứu các giải pháp nâng cao chất lượng sản phẩm; sử dụng nhiên liệu thay thế; các giải pháp thu hồi năng lượng, giảm tiêu thụ năng lượng; các giải pháp giảm phát thải khí nhà kính, hạn chế tác động tới môi trường; đánh giá nhu cầu và khả năng đáp ứng nhãn xanh cho 04 nhóm sản phẩm chủ yếu (xi măng, vật liệu ốp lát, sứ vệ sinh, kính xây dựng).

- Xây dựng mô hình nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm đối với các ngành sản xuất sản phẩm chủ lực;

Nâng cao năng lực quản lý chất lượng sản phẩm vật liệu xây dựng chủ yếu

- Xây dựng và tăng cường hệ thống tổ chức quản lý chất lượng sản phẩm

+ Xây dựng quy hoạch, kế hoạch đào tạo cán bộ quản lý chất lượng và nhân viên phân tích đáp ứng yêu cầu của công tác quản lý, phân tích chất lượng;

+ Tổ chức định kỳ các lớp huấn luyện nghiệp vụ quản lý, kỹ thuật tiên tiến, các giải pháp nâng cao chất lượng, tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật cho cán bộ quản lý chất lượng, người làm công tác kiểm nghiệm, phân tích trong phạm vi toàn ngành;

- Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho công tác quản lý chất lượng

+ Rà soát, đánh giá các phòng thử nghiệm của từng lĩnh vực và của toàn ngành.

+ Các doanh nghiệp cần tăng cường trang thiết bị phân tích cần thiết cho phòng thử nghiệm của doanh nghiệp có đủ năng lực để tự kiểm tra, phân tích được các chỉ tiêu chất lượng cơ bản.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Xem toàn văn tại (www.moc.gov.vn)

Bộ Xây dựng ban hành Kế hoạch hành động của ngành Xây dựng về tăng trưởng xanh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030

Ngày 11 tháng 5 năm 2017, Bộ Xây dựng đã ban hành Quyết định số 419/QĐ-BXD về Kế hoạch hành động của ngành Xây dựng về tăng trưởng xanh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

Kế hoạch hành động của ngành Xây dựng về tăng trưởng xanh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Rà soát, kiến nghị điều chỉnh quy hoạch phát triển ngành Xây dựng từ quan điểm phát triển bền vững

- Rà soát, kiến nghị điều chỉnh Chương trình nâng cấp đô thị quốc gia giai đoạn 2009 đến năm 2020 (Quyết định số 758/QĐ-TTg ngày 08/6/2009 của Thủ tướng Chính phủ);

- Rà soát, kiến nghị điều chỉnh Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025 tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 2149/QĐ-TTg ngày 17/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ);

- Rà soát, kiến nghị điều chỉnh Chương trình đầu tư xử lý chất thải rắn giai đoạn 2011-2020 (Quyết định phê duyệt số 798/QĐ-TTg ngày 25/5/2011 của Thủ tướng Chính phủ);

- Rà soát, kiến nghị điều chỉnh Định hướng phát triển chiếu sáng đô thị Việt Nam đến năm 2025;

- Rà soát, điều chỉnh Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 (Quyết định phê duyệt số 2127/QĐ-TTg ngày 30/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ);

- Nghiên cứu rà soát, điều chỉnh Chương trình phát triển vật liệu xây không nung đến năm 2020 (Quyết định phê duyệt số 567/QĐ-TTg ngày 28/04/2010 của Thủ tướng Chính phủ);

- Rà soát, điều chỉnh, xây dựng Quy hoạch phát triển công nghiệp xi măng Việt Nam giai đoạn 2017 - 2025 và định hướng đến năm 2035

(thay thế Quy hoạch 1488);

- Rà soát, điều chỉnh, xây dựng Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm xi măng ở Việt Nam giai đoạn 2017 - 2025 (thay thế Quy hoạch 105 và 1065).

2. Rà soát, kiến nghị điều chỉnh quy hoạch và lập kế hoạch cải tạo đô thị theo tiêu chuẩn đô thị bền vững

- Nghiên cứu, xây dựng quy định, hướng dẫn về hoạt động đánh giá, công nhận đô thị tăng trưởng xanh. Áp dụng thí điểm đánh giá đô thị tăng trưởng xanh.

- Vận động nguồn lực tài trợ triển khai thực hiện các chương trình dự án quy hoạch cải tạo, nâng cấp phát triển các đô thị theo hướng tăng trưởng xanh tại các tỉnh/ thành phố;

- Xây dựng kế hoạch hành động xây dựng đô thị xanh (thí điểm ở một số đô thị: như Sapa, Huế, Hội An, Vũng Tàu, Đà Lạt);

- Xây dựng trình duyệt và triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển đô thị tăng trưởng xanh Việt Nam;

- Xây dựng Báo cáo đánh giá chính sách đô thị quốc gia, lồng ghép nội dung xây dựng đô thị tăng trưởng xanh.

3. Cải thiện hạ tầng kỹ thuật theo hướng bền vững ở một số đô thị chọn lọc

- Đề xuất một số giải pháp đầu tư cải tạo hạ tầng kỹ thuật theo hướng bền vững tại một khu vực đô thị điển hình (khu vực đô thị thuộc đầu mối giao thương, trung tâm du lịch, khu vực đô thị cũ xuống cấp nghiêm trọng).

- Nghiên cứu, định hướng phát triển các công nghệ xử lý nước thải, xử lý chất thải rắn đô thị phù hợp với điều kiện Việt Nam;

- Nghiên cứu xây dựng và ban hành các quy định, tiêu chuẩn, hướng dẫn về chiếu sáng đô thị sử dụng tiết kiệm năng lượng và hiệu quả;

- Xây dựng và hoàn thiện các định mức kinh tế - kỹ thuật có liên quan đến đầu tư xây dựng, quản lý vận hành các cơ sở xử lý nước thải, chất thải rắn theo các công nghệ phù hợp ở Việt Nam;

- Xây dựng chương trình tổng thể cải tạo các chung cư cũ trong đô thị trên phạm vi cả nước;

- Xây dựng và ban hành các quy định về cơ chế, chính sách ưu đãi, khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư cải tạo chung cư cũ trong đô thị.

4. Đổi mới công nghệ và kỹ thuật xây dựng theo hướng xanh hóa

- Nghiên cứu, từng bước đổi mới công nghệ xây dựng theo hướng hiện đại, tiết kiệm năng lượng, tài nguyên, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.

5. Khuyến khích phát triển công nghiệp VLXD và xây dựng xanh

- Xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ, khuyến khích áp dụng công nghệ sản xuất sạch hơn trong công nghiệp VLXD; hỗ trợ và khuyến khích sản xuất, sử dụng VLXD xanh;

- Đầu tư, đổi mới công nghệ sản xuất VLXD theo hướng sạch hơn, tiết kiệm nhiên liệu,

nguyên liệu, giảm ô nhiễm môi trường;

- Xây dựng và ban hành quy định về quản lý, tái chế và tái sử dụng phế thải xây dựng trong các công trình xây dựng;

- Triển khai thực hiện Đề án Nâng suất chất lượng ngành Xây dựng;

6. Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong xây dựng

- Nghiên cứu và ban hành các quy định, tiêu chí, hướng dẫn về xây dựng công trình xanh, công trình sử dụng năng lượng hiệu quả; Xây dựng cơ chế chính sách ưu đãi, hỗ trợ, khuyến khích đầu tư phát triển công trình xanh;

Kinh phí thực hiện: được bố trí từ các nguồn vốn ngân sách nhà nước, doanh nghiệp và các tổ chức quốc tế. Các đơn vị trực thuộc Bộ, Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các doanh nghiệp chủ động tìm kiếm nguồn tài chính thực hiện các nhiệm vụ được phân công nêu trên.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Xem toàn văn tại (www.moc.gov.vn)

VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG

UBND tỉnh Hậu Giang ban hành Quy định về phát triển và quản lý nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh

Ngày 23 tháng 3 năm 2017, UBND tỉnh Hậu Giang đã có Quyết định số 12/2017/QĐ-UBND quy định về phát triển và quản lý nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh.

Quy định tiêu chuẩn thiết kế nhà ở xã hội

Trường hợp nhà ở xã hội là nhà chung cư thì căn hộ phải được thiết kế, xây dựng theo kiểu khép kín, bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn diện tích mỗi căn hộ tối thiểu là 25m² sàn, tối đa là 70m² sàn, bảo đảm phù hợp với quy hoạch xây dựng do cơ quan Nhà

nước có thẩm quyền phê duyệt. Chủ đầu tư dự án được điều chỉnh tăng mật độ xây dựng hoặc hệ số sử dụng đất lên tối đa 1,5 lần so với quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng hiện hành do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

Được điều chỉnh tăng tiêu chuẩn diện tích căn hộ tối đa, nhưng mức tăng không quá 10% so với diện tích căn hộ tối đa là 70m² và bảo đảm tỷ lệ số căn hộ trong dự án xây dựng nhà ở xã hội có diện tích sàn trên 70m² không quá 10% tổng số căn hộ nhà ở xã hội trong dự án.

Trường hợp nhà ở xã hội là nhà ở liền kề thấp tầng thì tiêu chuẩn diện tích đất xây dựng của mỗi căn nhà không vượt quá 70m², hệ số sử dụng đất không vượt quá 02 lần và phải bảo đảm phù hợp với quy hoạch xây dựng.

Giá bán, cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội

Giá bán nhà ở xã hội do chủ đầu tư dự án xác định trên cơ sở tính đủ các chi phí để thu hồi vốn đầu tư xây dựng nhà ở, lãi vay (nếu có) và lợi nhuận định mức của toàn bộ dự án không vượt quá 10% tổng chi phí đầu tư; không tính các khoản ưu đãi của Nhà nước quy định tại Điều 58 Luật Nhà ở vào giá bán nhà ở xã hội và là giá của căn hộ hoặc căn nhà đã hoàn thiện về xây dựng.

Giá thuê mua nhà ở xã hội do chủ đầu tư dự án xác định trên cơ sở tính đủ các chi phí để thu hồi vốn đầu tư xây dựng nhà ở, lãi vay (nếu có) và lợi nhuận định mức của toàn bộ dự án không vượt quá 15% tổng chi phí đầu tư; không tính các khoản ưu đãi của Nhà nước quy định tại Điều 58 Luật Nhà ở vào giá thuê mua nhà ở xã hội.

Bên thuê mua phải nộp lần đầu 20% giá trị nhà ở và nộp phần còn lại theo định kỳ do bên cho thuê mua và bên thuê mua thỏa thuận, tính từ thời điểm bàn giao nhà ở đó; thời hạn thuê mua nhà ở xã hội tối thiểu là 05 năm, kể từ ngày bên cho thuê mua bàn giao nhà ở cho bên thuê mua.

Giá cho thuê nhà ở xã hội do chủ đầu tư dự án xác định trên cơ sở tính đủ chi phí bảo trì; chi phí thu hồi vốn đầu tư xây dựng nhà ở, lãi vay (nếu có) và lợi nhuận định mức của toàn bộ dự án không vượt quá 15% tổng chi phí đầu tư; không tính các khoản ưu đãi của Nhà nước quy định tại Điều 58 Luật Nhà ở vào giá thuê nhà ở xã hội.

Đối tượng được mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội

Người có công với cách mạng theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng.

Hộ gia đình nghèo và cận nghèo tại khu vực

nông thôn; tại khu vực nông thôn thuộc vùng thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai, biến đổi khí hậu.

Người thu nhập thấp, hộ nghèo, cận nghèo tại khu vực đô thị (đối tượng 2)

Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp (đối tượng 1).

Sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân trong cơ quan, đơn vị thuộc công an nhân dân và quân đội nhân dân (đối tượng 1).

Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức (đối tượng 1).

Học sinh, sinh viên các học viện, trường đại học, cao đẳng, dạy nghề; học sinh trường dân tộc nội trú công lập được sử dụng nhà ở trong thời gian học tập (đối tượng 2);

Hộ gia đình, cá nhân thuộc diện bị thu hồi đất và phải giải tỏa, phá dỡ nhà ở theo quy định của pháp luật mà chưa được Nhà nước bồi thường bằng nhà ở, đất ở.

Trường hợp hộ gia đình đăng ký mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội thì chỉ cần một thành viên trong gia đình đó thuộc một trong các đối tượng quy định như trên. Mỗi hộ gia đình, cá nhân chỉ được giải quyết mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội một lần theo quy định.

Nguyên tắc, tiêu chí xét duyệt đối tượng được mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội

Trường hợp tổng số hồ sơ đăng ký mua, thuê, thuê mua (hợp lệ) bằng hoặc ít hơn tổng số căn hộ do chủ đầu tư công bố thì việc lựa chọn căn hộ thực hiện theo hình thức thỏa thuận giữa chủ đầu tư và khách hàng.

Trường hợp tổng số hồ sơ đăng ký mua, thuê, thuê mua (hợp lệ) nhiều hơn tổng số căn hộ do chủ đầu tư công bố thì việc xét duyệt, lựa chọn đối tượng thực hiện theo hình thức chấm điểm.

Thang điểm được xác định trên cơ sở các tiêu chí cụ thể sau:

- Đối với tiêu chí khó khăn về nhà ở: Trường hợp chưa có nhà ở (40 điểm); có nhà ở nhưng hư hỏng, dột, nát hoặc diện tích bình quân dưới 10m²/người (30 điểm).

- Tiêu chí về đối tượng: Đối tượng 1 (quy định ở trên) (30 điểm); đối tượng 2 (quy định ở trên) (20 điểm); các đối tượng còn lại (40 điểm).

- Tiêu chí ưu tiên khác: Hộ gia đình có từ 02 người trở lên thuộc đối tượng 1, 2 (10 điểm); Hộ gia đình có 01 người thuộc đối tượng 1 và có ít nhất 01 người thuộc đối tượng 2 (7 điểm); Hộ gia đình có từ 02 người trở lên thuộc đối tượng 2 (4 điểm).

- Tiêu chí ưu tiên do UBND tỉnh quy định:

+ Người hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945 (Lão thành cách mạng); người hoạt động cách mạng tiên khởi nghĩa; thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B, bệnh binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; Bà mẹ Việt Nam anh hùng (10 điểm);

+ Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động trong kháng chiến; thân nhân liệt sĩ, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên (10 điểm);

+ Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới (10 điểm);

+ Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%; bệnh binh suy giảm khả năng lao động dưới 81%; thân nhân liệt sĩ; người tham gia kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học suy giảm khả năng lao động dưới 81% (9 điểm);

+ Giáo sư; Nhà giáo nhân dân; Thầy thuốc nhân dân; Nghệ sĩ nhân dân; người được khen thưởng Huân chương cao quý của Nhà nước (Huân chương Sao vàng, Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương độc lập các hạng...) (8 điểm);

+ Phó giáo sư; Nhà giáo ưu tú; Thầy thuốc ưu tú; Nghệ sĩ ưu tú; Nghệ nhân; Chiến sĩ thi

đua Toàn quốc; trong hộ có 02 cán bộ công nhân viên chức có thâm niên công tác mỗi người trên 25 năm (7 điểm);

+ Hộ gia đình có từ 02 thành viên trở lên cùng chung sống trong 01 gia đình có hộ khẩu thường trú tại ngôi nhà đó; người tốt nghiệp thạc sỹ, tiến sỹ (theo diện đãi ngộ nhân tài); cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang là người dân tộc thiểu số hưởng lương từ ngân sách Nhà nước (5 điểm);

+ Hộ gia đình, cá nhân là người dân tộc thiểu số (4 điểm);

+ Cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang hưởng lương từ ngân sách Nhà nước thuộc diện được ở nhà công vụ nhưng đã trả lại nhà ở công vụ cho Nhà nước, có khó khăn về nhà ở; người lao động làm việc tại các doanh nghiệp (từ đại học trở lên) (3 điểm);

+ Cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang hưởng lương từ ngân sách Nhà nước hoặc công nhân làm việc tại các doanh nghiệp (tốt nghiệp cao đẳng, trung cấp và thợ bậc 5 trở lên) (2 điểm).

Hợp đồng mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội

Hợp đồng mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội phải có các nội dung chính sau đây: Tên, địa chỉ của các bên; Các thông tin về nhà ở giao dịch; Giá mua bán, giá cho thuê, giá cho thuê mua; Phương thức và thời hạn thanh toán; Thời hạn giao nhận nhà ở; Bảo hành nhà ở; Quyền và nghĩa vụ của các bên; Cam kết của các bên; Chấm dứt hợp đồng; Các thỏa thuận khác; Giải quyết tranh chấp; Hiệu lực của hợp đồng.

Đối với nhà ở xã hội là căn hộ chung cư thì trong hợp đồng mua bán, thuê, thuê mua phải đảm bảo các nội dung quy định như trên, đồng thời phải ghi rõ phần sở hữu riêng, phần sở hữu chung, phần sử dụng riêng, phần sử dụng chung của chủ đầu tư và người mua, thuê, thuê mua căn hộ; diện tích sàn xây dựng căn hộ; diện tích sàn sử dụng căn hộ (diện tích thông thủy) để tính tiền mua bán, thuê, thuê mua;

khoản kinh phí bảo trì; mức phí và nguyên tắc điều chỉnh mức phí quản lý vận hành nhà chung cư trong thời gian chưa thành lập Ban quản trị nhà chung cư.

Quyết định này cũng quy định các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của chủ đầu tư dự án nhà ở xã hội: Phải thực hiện các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết; được quyền chấm dứt hợp đồng; tổ chức thành lập Ban quản trị nhà ở xã hội và ban hành Quy chế quản lý nhà ở xã hội theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng đối với nhà ở xã hội là nhà chung cư; thu các khoản phí dịch vụ liên quan đến quản lý, sử dụng nhà ở xã hội; không được tăng giá bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội khi chưa được phép của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của người mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội:

Được quyền chấm dứt hợp đồng mua bán, thuê, thuê mua nhà ở xã hội theo thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết; phải thực hiện các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng; phải

chấp hành quyết định của cơ quan có thẩm quyền về việc xử lý các hành vi vi phạm và giải quyết các khiếu nại, tranh chấp liên quan đến việc mua bán, cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội;

Đối với nhà ở xã hội dành để cho thuê, bên thuê có trách nhiệm phải trả lại nhà cho bên cho thuê theo thỏa thuận trong hợp đồng thuê nhà đã ký kết; trường hợp bên thuê đơn phương chấm dứt hợp đồng trước thời hạn thì phải thông báo cho bên cho thuê biết trước ít nhất 01 (một) tháng; nếu bên thuê đã trả trước tiền thuê nhà ở cho cả thời hạn thuê theo hợp đồng thì được nhận lại số tiền thuê đã thanh toán của thời hạn thuê còn lại và nhận lại khoản tiền đã đặt cọc (nếu có); bên thuê được quyền mua nhà ở đang thuê nếu chủ sở hữu thực hiện bán nhà ở; không được tự ý bảo trì, cải tạo nhà ở cho thuê, sử dụng nhà ở thuê vào mục đích khác, cho người khác thuê lại hoặc cho mượn nhà ở.

**Xem toàn văn tại
(www.haugiang.gov.vn)**

UBND thành phố Hà Nội ban hành Quy định các nội dung thuộc thẩm quyền của UBND thành phố Hà Nội về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố

Ngày 29 tháng 3 năm 2017, UBND thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND quy định các nội dung thuộc thẩm quyền của UBND thành phố Hà Nội về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố.

Bồi thường về đất

Bồi thường khi nhà nước thu hồi đất ở

Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ở, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đang sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất tại Việt Nam có đủ điều kiện được bồi thường mà không còn đất ở, nhà ở nào khác trong địa bàn

xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi, thì được bồi thường bằng đất ở hoặc nhà ở, trong các trường hợp sau:

- + Hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài bị thu hồi toàn bộ đất ở;
- + Hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài bị thu hồi đất ở và diện tích đất ở còn lại sau thu hồi không đủ điều kiện để ở (đối với khu vực các huyện, thị xã: nhỏ hơn 30m²; đối với khu vực các quận: là diện tích không đủ điều kiện mặt bằng xây dựng công trình);

Nếu ở khu vực các quận thì hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài

được bồi thường bằng 01 (một) căn hộ chung cư tái định cư cho 01 chủ sử dụng đất.

+ Diện tích căn hộ được bồi thường không cao hơn 02 lần diện tích đất ở bị thu hồi nhưng không thấp hơn suất tái định cư tối thiểu (30m²)

+ Phần diện tích căn hộ tái định cư vượt 02 lần diện tích đất ở bị thu hồi hoặc lớn hơn 30m² (đối với trường hợp bị thu hồi đất ở nhỏ hơn 15m²) phải mua theo giá bán nhà do UBND thành phố quy định nhân hệ số K= 1,1.

Nếu ở khu vực các huyện, thị xã thì hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được bồi thường bằng đất ở.

+ Diện tích đất ở được bồi thường bằng diện tích đất ở bị thu hồi nhưng không thấp hơn suất tái định cư tối thiểu và không vượt quá hạn mức giao đất ở mới tối đa tại địa phương.

+ Phần diện tích đất tái định cư vượt diện tích đất ở bị thu hồi phải nộp tiền theo giá thu tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư nhân hệ số điều chỉnh K do UBND cấp huyện xem xét, quyết định cho phù hợp với từng dự án khu tái định cư, theo nguyên tắc: tại địa bàn các quận có bố trí giao đất tái định cư (nếu có) thì hệ số điều chỉnh K tối thiểu là 1,3; đối với địa bàn các huyện thì hệ số điều chỉnh K tối thiểu là 1,1.

Bồi thường đối với đất phi nông nghiệp không phải là đất ở

Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất phi nông nghiệp không phải là đất ở được Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê nhưng được miễn tiền thuê đất do thực hiện chính sách đối với người có công với Cách mạng khi Nhà nước thu hồi đất được bồi thường bằng tiền theo giá bồi thường đất phi nông nghiệp do UBND Thành phố quyết định.

Bồi thường, hỗ trợ về tài sản

Bồi thường đối với nhà ở, công trình xây dựng hợp pháp

1. Đối với nhà, công trình bị cất xén, phá dỡ một phần khi Nhà nước thu hồi đất thì được bồi thường, hỗ trợ như sau:

+ Nhà, công trình bị cất xén, phá dỡ một phần

mà phần còn lại không đảm bảo khả năng chịu lực thì được bồi thường toàn bộ nhà, công trình.

+ Nhà bị cất xén phá dỡ mà diện tích còn lại chỉ còn cầu thang, nhà vệ sinh thì được bồi thường toàn bộ diện tích nhà. Trường hợp nhà bị cất xén, phá dỡ, trong đó nếu có một phần cầu thang bị phá dỡ thì được bồi thường toàn bộ cầu thang;

+ Nhà, công trình bị cất xén, phá dỡ một phần mà phần còn lại đảm bảo khả năng chịu lực thì ngoài việc được bồi thường diện tích nhà, công trình phải phá dỡ đến chỉ giới cất xén theo quy hoạch, còn được bồi thường bổ sung phần nhà, công trình bị ảnh hưởng do cất xén, phá dỡ;

+ Đối với nhà, công trình bị cất xén, phá dỡ một phần mà phần còn lại vẫn sử dụng được thì ngoài việc bồi thường theo quy định còn được bồi thường hoàn trả mặt tiền nhà, công trình theo công thức sau: $Gmt = Bmt \times Gxd \times Smt \times T$

Gmt: Giá trị phần mặt tiền được bồi thường hoàn trả;

Bmt: Chiều rộng mặt tiền được xác định như sau:

. Bằng chiều rộng mặt tiền nhà trước khi cất xén trong trường hợp chiều rộng mặt tiền tại vị trí cất theo chỉ giới quy hoạch nhỏ hơn chiều rộng mặt tiền nhà trước khi cất xén;

. Bằng chiều rộng mặt tiền nhà tại vị trí cất theo chỉ giới quy hoạch trong trường hợp chiều rộng mặt tiền tại vị trí cất theo quy hoạch lớn hơn hoặc bằng chiều rộng mặt tiền nhà trước khi cất xén;

Gxd: Đơn giá xây dựng mới tính trên một mét vuông sàn xây dựng, công trình xây dựng;

Smt: Chiều sâu được quy định bằng 1m;

T: Số lượng tầng bị cất xén.

2. Mức bồi thường đối với nhà, công trình xây dựng hợp pháp khác gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi:

Mức bồi thường = Giá trị hiện có của nhà, công trình bị thiệt hại + (Giá trị hiện có của nhà, công trình bị thiệt hại) x 60%

Mức bồi thường không thấp hơn 60% và

không vượt quá 100% giá trị xây mới nhà, công trình có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương với nhà công trình bị thiệt hại.

Hỗ trợ nhà, công trình xây dựng không hợp pháp

Hỗ trợ bằng 80% mức bồi thường đối với các nhà, công trình xây dựng trước 15/10/1993 vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, vi phạm hành lang bảo vệ công trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, công bố công khai và cắm mốc giới nhưng được UBND cấp xã xác nhận không có văn bản xử lý, ngăn chặn của cấp có thẩm quyền.

Hỗ trợ bằng 50% mức bồi thường đối với nhà, công trình xây dựng từ 15/10/1993 đến trước 01/7/2004 mà vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, vi phạm hành lang bảo vệ công trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, công bố công khai và cắm mốc giới nhưng được UBND cấp xã xác nhận không có văn bản xử lý, ngăn chặn của cấp có thẩm quyền.

Hỗ trợ bằng 10% mức bồi thường đối với nhà, công trình xây dựng không thuộc quy định nêu ở trên, được tạo lập trước ngày 01/7/2014.

Nhà, công trình không hợp pháp được tạo lập kể từ ngày 01/7/2014 không được hỗ trợ.

Bồi thường đối với công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đang sử dụng gắn liền với đất

Đối với công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đang sử dụng, phải di chuyển thì mức bồi thường bằng tiền tính bằng giá trị xây dựng mới của công trình có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương theo quy định. Trường hợp công trình hạ tầng đang sử dụng, phải di chuyển mà chưa được xếp loại vào cấp tiêu chuẩn kỹ thuật thì Sở quản lý chuyên ngành xác định cấp tiêu chuẩn kỹ thuật để tính bồi thường.

Đối với các dự án theo tuyến liên quan đến nhiều địa bàn (quận, huyện, thị xã, xã, phường, thị trấn), việc di chuyển các công trình hạ tầng kỹ thuật đang sử dụng phải thực hiện đồng bộ.

Tái định cư

Giao đất, bán căn hộ chung cư đối với hộ gia đình có nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở bị thu hồi

1. Trường hợp được bồi thường bằng căn hộ

Trường hợp hộ gia đình được bồi thường về đất ở có nhiều thế hệ, đồng nhân khẩu cùng chung sống trên 1 thửa đất ở bị thu hồi nếu đủ điều kiện để tách thành từng hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú hoặc có nhiều hộ gia đình chung quyền sử dụng 01 (một) thửa đất ở thu hồi thì ngoài việc được bồi thường theo quy định, còn được xem xét bổ sung nhà tái định cư như sau:

+ Trường hợp đồng nhân khẩu, nhiều thế hệ (có từ 7 (bảy) nhân khẩu trở lên): Được bán thêm 01 (một) căn hộ tái định cư. Tổng diện tích các căn hộ tái định cư không vượt quá 3 (ba) lần diện tích đất ở bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường. Phần diện tích vượt quá 3 (ba) lần diện tích đất ở bị thu hồi phải mua theo giá bán nhà do UBND Thành phố quy định nhân hệ số $K=1,1$.

+ Trường hợp nhiều cặp vợ chồng: Mỗi cặp vợ chồng được mua 01 (một) căn hộ tái định cư (bao gồm cả căn hộ được bồi thường theo quy định). Tổng diện tích các căn hộ tái định cư không vượt quá 03 (ba) lần diện tích đất ở bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường. Phần diện tích vượt quá 03 (ba) lần diện tích đất ở bị thu hồi phải mua theo giá bán nhà do UBND Thành phố quy định nhân hệ số $K=1,1$.

2. Trường hợp được bồi thường bằng đất ở

Trường hợp hộ gia đình có nhiều cặp vợ chồng hoặc đồng nhân khẩu (có từ 7 (bảy) nhân khẩu trở lên) ăn ở thường xuyên tại địa chỉ giải phóng mặt bằng từ trước khi có Thông báo thu hồi đất và có diện tích đất ở bị thu hồi lớn hơn hoặc bằng tổng của hạn mức giao đất ở mới tối đa cộng với hạn mức giao đất ở tối thiểu tại địa phương: Được giao thêm 01 suất đất tái định cư với diện tích bằng hạn mức giao đất ở mới tối thiểu tại địa phương.

Giao đất, bán căn hộ chung cư đối với các trường hợp phải di chuyển chỗ ở nhưng

Không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở

1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất gắn liền với nhà ở mà phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở, chỉ được hỗ trợ tỷ lệ % giá đất, nếu không có chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi và nơi đăng ký hộ khẩu thường trú thì được xét tái định cư như sau:

+ Trường hợp mua căn hộ tái định cư: Được mua 01 căn hộ chung cư có diện tích nhỏ trong quỹ nhà tái định cư của Thành phố theo giá quy định của UBND Thành phố. Phần diện tích vượt suất tái định cư tối thiểu phải mua theo giá quy định nhân hệ số điều chỉnh $K= 1,1$ và trả tiền ngay một lần trước khi nhận nhà.

+ Trường hợp giao đất tái định cư: Được giao 01 suất đất tái định cư với diện tích bằng diện tích tối thiểu được phép tách thửa tại địa phương. Phần diện tích vượt suất tái định cư tối thiểu phải tính tiền sử dụng đất theo giá đất khi giao đất tái định cư nhân hệ số điều chỉnh K theo quy định và phải nộp tiền sử dụng đất ngay một lần trước khi nhận đất.

2. Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất ở, nhà ở trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 mà có nguồn gốc do lấn, chiếm, khi Nhà nước thu hồi đất nếu không có chỗ ở nào khác thì được mua 01 căn hộ chung cư có diện tích nhỏ nhất trong

quỹ nhà tái định cư của Thành phố hoặc mua 01 suất đất tái định cư $30m^2$, trong trường hợp địa phương còn quỹ đất tái định cư, theo giá quy định của UBND Thành phố nhân với hệ số điều chỉnh $K= 1,3$.

3. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân không có nhu cầu nhận đất, nhận nhà tại quỹ nhà, quỹ đất tái định cư, nếu có nguyện vọng mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội thì được chọn mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội theo quy định.

Đối với các trường hợp không đủ tiền mua nhà tái định cư theo quy định

Người bị thu hồi đất có trách nhiệm nộp đủ nốt số tiền mua nhà còn thiếu trước khi được nhận căn hộ tái định cư theo quy định;

Trường hợp người bị thu hồi đất không có khả năng nộp đủ nốt số tiền mua nhà còn thiếu thì UBND cấp huyện nơi thu hồi đất chịu trách nhiệm phê duyệt điều chỉnh phương án bán căn hộ chung cư tái định cư cho người bị thu hồi đất đó sang phương án thuê, thuê mua căn hộ chung cư tái định cư và phối hợp với Sở Xây dựng và đơn vị quản lý quỹ nhà giải quyết việc thuê, thuê mua căn hộ cho hộ gia đình, cá nhân theo quy định của pháp luật về nhà ở.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 4 năm 2017.

Xem toàn văn tại (www.hanoi.gov.vn)

Nghiệm thu đề tài "Sổ tay hướng dẫn lập quy hoạch phân khu đô thị"

Ngày 24/5/2017, Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đã tổ chức cuộc họp nghiệm thu kết quả của Đề tài "Sổ tay hướng dẫn lập quy hoạch phân khu đô thị" - mã số RD 30-12 do Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia thực hiện. Chủ tịch Hội đồng - ThS. Vương Anh Dũng - Vụ trưởng Vụ Quy hoạch kiến trúc (Bộ Xây dựng) chủ trì cuộc họp.

Báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu, chủ nhiệm đề tài - Th.S Cao Sỹ Niêm cho biết, loại hình quy hoạch phân khu đô thị được quy định trong Luật Quy hoạch đô thị năm 2009, và được cụ thể hóa tại Nghị định số 37/2010/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 10/2010/TT-BXD của Bộ Xây dựng, sau là Thông tư số 12/2016/TT-BXD của Bộ Xây dựng. Theo đó, các quy định về lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý quy hoạch phân khu đã từng bước đi vào cuộc sống. Tuy nhiên, việc áp dụng các quy định của pháp luật về quy hoạch phân khu đô thị còn có sự chưa thống nhất về quy trình, dẫn đến sản phẩm chưa đáp ứng được yêu cầu chất lượng theo quy định ban hành, chông chéo trong việc triển khai các bước tiếp theo. Trước yêu cầu của thực tiễn, Bộ Xây dựng đã giao cho Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia nghiên cứu đề tài biên soạn "Sổ tay hướng dẫn lập quy hoạch phân khu đô thị" nhằm trang bị thêm cho các nhà quy hoạch, các nhà quản lý, các đơn vị tư vấn lập quy hoạch đô thị những bước cơ bản và quy trình nghiên cứu cụ thể trong triển khai lập quy hoạch phân khu đô thị, góp phần nâng cao chất lượng các đồ án quy hoạch phân khu đô thị.

Th.S Cao Sỹ Niêm cho biết, đối tượng nghiên cứu của đề tài này chính là Quy trình lập quy hoạch phân khu đô thị, còn phạm vi nghiên cứu được giới hạn trong phạm vi hướng dẫn kỹ thuật lập quy hoạch phân khu, tuân thủ các quy định của pháp luật quy hoạch đô thị.

Theo Th.S Cao Sỹ Niêm, để triển khai đề tài



Toàn cảnh cuộc họp của Hội đồng nghiệm thu

này, nhóm nghiên cứu đã tổng hợp các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến quy hoạch đô thị, nghiên cứu thực tiễn các đồ án, dự án lập quy hoạch phân khu đô thị, lấy ý kiến chuyên gia và các tổ chức tư vấn lập quy hoạch đô thị... xây dựng tài liệu Sổ tay hướng dẫn lập quy hoạch phân khu đô thị, trình Bộ Xây dựng xem xét phê duyệt, ban hành làm tài liệu hướng dẫn kỹ thuật lập quy hoạch phân khu đô thị.

Dự thảo Sổ tay hướng dẫn gồm 3 phần: Mở đầu, nội dung, kết luận; trong đó phần nội dung gồm có: Những vấn đề chung về lập quy hoạch phân khu đô thị; Hướng dẫn lập nhiệm vụ quy hoạch phân khu đô thị; Hướng dẫn lập quy hoạch phân khu đô thị.

Đánh giá về kết quả của đề tài, các chuyên gia phản biện và các thành viên Hội đồng đều nhất trí ở sự cần thiết phải biên soạn Sổ tay hướng dẫn lập quy hoạch phân khu đô thị, nhằm cụ thể hóa và hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị. Các thành viên Hội đồng cũng đánh giá cao sự nghiêm túc, công phu của nhóm tác giả thực hiện đề tài này, sản phẩm của đề tài về cơ bản đáp ứng yêu cầu đề ra và có thể trình Bộ Xây dựng ban hành sau khi chỉnh sửa.

Các thành viên Hội đồng đã tham gia ý kiến rất chi tiết và cụ thể vào từng nội dung của Sổ

tay hướng dẫn, trong đó yêu cầu thống nhất một số thuật ngữ, lược bỏ những nội dung mang tính lý thuyết cũng như những nội dung đã được quy định rõ trong các văn bản quy phạm pháp luật, tập trung cho các hướng dẫn kỹ thuật đối với người lập quy hoạch phân khu đô thị trong các tình huống khác nhau, các yêu cầu khác nhau.

Phát biểu kết luận cuộc họp, thay mặt các thành viên Hội đồng nghiệm thu, Chủ tịch Hội

đồng Vương Anh Dũng đề nghị nhóm tác giả tiếp thu ý kiến của Hội đồng, hoàn thiện sản phẩm để trình Bộ Xây dựng xem xét, phê duyệt và ban hành.

Hội đồng đã bỏ phiếu thông qua kết quả của đề tài với mức đánh giá xếp loại khá.

Minh Tuấn

Hội thảo “Đổi mới, tăng cường công tác quản lý, đảm bảo an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình”

Ngày 25/5/2017, tại Hà Nội, Bộ Xây dựng phối hợp với Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA) tại Việt Nam tổ chức Hội thảo “Đổi mới, tăng cường công tác quản lý, đảm bảo an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế”.

Tham dự Hội thảo có Cục trưởng Cục Giám định nhà nước về chất lượng công trình xây dựng Phạm Minh Hà, Trưởng đại diện JICA tại Việt Nam Fujita Yasuno, đại diện Bộ Lao động, Thương binh và xã hội, các chuyên gia trong nước, quốc tế và đại diện các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng.

Hội thảo được tổ chức nhằm tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật và nâng cao nhận thức của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng đối với công tác quản lý an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình, đồng thời nhằm hưởng ứng tháng Hành động về an toàn, vệ sinh lao động theo Quyết định số 87/QĐ-TTg ngày 12/1/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

Phát biểu khai mạc Hội thảo, ông Phạm Minh Hà cho biết, trong quá trình nghiên cứu, xây dựng các chính sách mới về an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình, Bộ Xây dựng luôn nhận được sự quan tâm, phối hợp của JICA. Các chính sách mới được nghiên cứu, ban

hành theo hướng đổi mới, làm rõ nội dung quản lý an toàn lao động của các chủ thể tham gia hoạt động xây dựng, cơ quan chuyên môn về xây dựng, đa dạng hóa nguồn lực xã hội trong thực hiện công tác an toàn vệ sinh lao động.

Đánh giá hệ thống chính sách về đảm bảo an toàn vệ sinh lao động của Việt Nam hiện nay là tương đối hoàn chỉnh, Trưởng đại diện JICA tại Việt Nam Fujita Yasuno cho rằng, Việt Nam cần tổ chức thực hiện ở tất cả các dự án, ngay từ giai đoạn đầu tiên nhằm mang lại hiệu quả đảm bảo an toàn cao nhất.

Trình bày tham luận “Một số quy định mới về công tác quản lý an toàn trong thi công xây dựng công trình tại Việt Nam”, Phó Cục trưởng Cục Giám định nhà nước về chất lượng công trình xây dựng Ngô Lâm cho biết, Bộ trưởng Bộ Xây dựng đã chỉ đạo biên soạn Thông tư quy định về quản lý an toàn lao động trong thi công xây dựng theo hướng tăng cường chủ động phòng ngừa, giảm thiểu tai nạn lao động, giảm thiểu sự cố gây mất an toàn lao động, đảm bảo an toàn tính mạng cho người lao động, tài sản của nhà nước và của người dân và trên tinh thần đổi mới cơ chế, chính sách, chủ động hợp tác, hội nhập quốc tế về đảm bảo an toàn vệ sinh lao động.

Ông Ngô Lâm nêu lên những điểm mới được



Cục trưởng Cục Giám định nhà nước về chất lượng công trình xây dựng Phạm Minh Hà phát biểu khai mạc Hội thảo

quy định trong Thông tư về quản lý an toàn lao động trong thi công xây dựng, trong đó có quy định: Đối với công trình xây dựng phải kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công xây dựng và kiểm tra khi hoàn thành thi công xây dựng, cơ quan chuyên môn về xây dựng theo thẩm quyền sẽ kiểm tra đồng thời về an toàn lao động; đối với công trình xây dựng không phải đối tượng kiểm tra công tác nghiệm thu, UBND cấp huyện tổ chức kiểm tra về an toàn lao động trong thi công xây dựng.

Theo Thông tư này, trước khi khởi công xây dựng công trình, nhà thầu tổ chức lập, trình chủ đầu tư chấp thuận kế hoạch tổng hợp về an toàn lao động. Kế hoạch này được xem xét định kỳ hoặc đột xuất để điều chỉnh phù hợp với thực tế thi công trên công trường. Nội dung cơ bản của kế hoạch tổng hợp về an toàn lao động theo quy định. Nhà thầu tổ chức bộ phận quản lý an toàn lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 36 Nghị định 39/2016/NĐ-CP và tổ chức thực hiện kế hoạch tổng hợp về an toàn lao động đối với phần việc do mình thực hiện. Tổ chức lập biện pháp thi công riêng, chi tiết đối với những công việc đặc thù, có nguy cơ mất an toàn lao động cao được quy định trong quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong xây dựng công trình. Nhà thầu chính hoặc tổng thầu có trách nhiệm kiểm tra công tác quản lý an toàn lao động trong thi công xây dựng công



Quang cảnh Hội thảo

trình đối với các phần việc do nhà thầu phụ thực hiện. Nhà thầu phụ có trách nhiệm thực hiện các quy định này đối với phần việc do mình thực hiện. Nhà thầu dừng thi công xây dựng khi phát hiện nguy cơ xảy ra tai nạn lao động, sự cố gây mất an toàn lao động và có biện pháp khắc phục để đảm bảo an toàn trước khi tiếp tục thi công. Khắc phục hậu quả tai nạn lao động, sự cố gây mất an toàn lao động xảy ra trong quá trình thi công xây dựng công trình.

Thông tư về quản lý an toàn lao động quy định: Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức phối hợp giữa các nhà thầu để thực hiện quản lý an toàn lao động và giải quyết các vấn đề phát sinh về an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình. Đình chỉ thi công khi phát hiện nhà thầu vi phạm các quy định về quản lý an toàn lao động làm xảy ra hoặc có nguy cơ xảy ra tai nạn lao động, sự cố gây mất an toàn lao động. Yêu cầu nhà thầu khắc phục để đảm bảo an toàn lao động trước khi cho phép tiếp tục thi công. Đồng thời, chỉ đạo, phối hợp với nhà thầu thi công xây dựng xử lý, khắc phục hậu quả khi xảy ra tai nạn lao động, sự cố gây mất an toàn lao động; khai báo sự cố gây mất an toàn lao động; phối hợp với cơ quan có thẩm quyền giải quyết, điều tra sự cố về máy, thiết bị, vật tư theo quy định.

Trường hợp chủ đầu tư thuê nhà thầu tư vấn quản lý dự án, nhà thầu giám sát thi công xây dựng công trình, chủ đầu tư được quyền giao cho nhà thầu này thực hiện một hoặc một số

trách nhiệm của chủ đầu tư theo quy định thông qua hợp đồng tư vấn xây dựng. Chủ đầu tư có trách nhiệm giám sát việc thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng, xử lý các vấn đề liên quan giữa nhà thầu tư vấn quản lý dự án, nhà thầu giám sát thi công xây dựng công trình với các nhà thầu khác và với chính quyền địa phương trong quá trình thi công xây dựng công trình.

Tại Hội thảo, các chuyên gia trong nước, quốc tế trình bày nhiều bài tham luận với các chủ đề: Công tác quản lý an toàn trong thi công xây dựng ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế; kế hoạch mẫu về quản lý an toàn trong thi công xây dựng công trình; an toàn về giàn giáo trong thi công xây dựng - phương pháp kiểm định kỹ thuật an toàn giàn giáo thép; hiện

trạng và phương hướng quản lý công tác an toàn vệ sinh lao động trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; an toàn lao động trong thi công xây dựng và giải pháp đảm bảo an toàn lao động thời kỳ hội nhập; an toàn lao động - khác biệt từ Cotecccons; tư vấn thiết kế với an toàn lao động trong xây dựng.

Tại hội thảo, các chuyên gia, các đại biểu đã thảo luận về thực trạng, nguyên nhân gây tai nạn lao động và đề xuất các giải pháp đổi mới công tác quản lý an toàn lao động, đặc biệt là các giải pháp nhằm hạn chế thiệt hại do mất an toàn lao động gây ra trong thi công xây dựng công trình.

Trần Đình Hà

Sử dụng các thiết bị kháng rung chấn trong các công trình có không gian ngầm

Sự phát triển các siêu đô thị hiện nay không thể thiếu việc khai thác và phát triển các không gian ngầm - những khoảng không gian có thể sử dụng để trồng giữ ô tô, bố trí các nút giao thông ngầm, lắp đặt hệ thống thông tin và hạ tầng kỹ thuật và nhiều mục đích khác. Tuy nhiên, về mặt địa lý tự nhiên, nhiều thành phố nằm trong những vùng có các hoạt động rung chấn mạnh; các hoạt động này thực sự có ảnh hưởng tới các công trình có không gian ngầm. Một trong các biện pháp nâng cao khả năng kháng chấn của các công trình như vậy là đưa gối đỡ cách chấn vào giữa các kết cấu trên mặt đất và kết cấu ngầm. Kết quả từ các nghiên cứu ảnh hưởng của yếu tố hỗ trợ này tới tính kháng chấn của toàn bộ công trình là minh chứng cho hiệu quả của biện pháp. Việc sử dụng gối đỡ giúp giảm mức tải rung chấn tới hai lần, thậm chí hơn.

Mật độ giao thông cao, mật độ xây dựng tập trung cao đòi hỏi các thành phố cần nhanh chóng tìm hướng đi mới để thực hiện các nhiệm vụ trong phạm vi quy hoạch đô thị, trong đó có

khai thác không gian ngầm. Hiện nay, tại các nước phát triển, các công trình ngầm chiếm tỷ lệ tương đối cao - gần một phần tư tổng diện tích được khai thác của các công trình xây dựng mới. Phát triển không gian ngầm giúp giải quyết một loạt vấn đề quy hoạch đô thị - bãi đỗ xe ngầm, sử dụng không gian ngầm để bố trí “nén” các tòa nhà/ công trình với nhiều chức năng khác nhau, bố trí hệ thống giao thông ngầm, mạng liên lạc viễn thông ngầm...

Do một phần đáng kể lãnh thổ Liên bang Nga nằm trong khu vực có hoạt động rung chấn, đánh giá ảnh hưởng của không gian ngầm tới tính kháng chấn chung của toàn bộ công trình xây dựng trở thành nhiệm vụ cấp thiết đối với ngành xây dựng Nga. Thống kê những trận động đất trong thời gian gần đây cho thấy: Thực tế, mỗi trận động đất mạnh luôn kèm theo sự tàn phá các công trình ngầm dưới lòng đất, tuy ở mức độ nhẹ hơn so với những công trình phía trên mặt đất. Ảnh hưởng của các không gian ngầm tới tính kháng chấn chung của các kết cấu trên mặt đất là điều hiển

nhiên, có thực. Có thể lấy ví dụ từ sự sụp đổ của công trình dân dụng do động đất tại Thượng Hải (Trung Quốc) năm 2009. Sau trận động đất này, tòa nhà 13 tầng mới xây sập đổ hoàn toàn. Các nguyên nhân nhanh chóng được xác định là nền đất yếu, cộng thêm công trình có bãi đỗ xe ngầm. Mới đây - tháng 5/2016 - một công trình cao tầng cũng đổ sập tại vùng bán đảo Kamchatka (Nga) sau một rung chấn nhẹ, nguyên nhân bởi các kết cấu xây dựng trong phần ngầm của tòa nhà - theo các đặc tính về kết cấu và độ cứng - không tương thích với các kết cấu của phần nổi trên mặt đất.

Có nhiều biện pháp khác nhau để nâng cao tính kháng chấn của công trình. Trong xây dựng hiện đại, việc ứng dụng các thiết bị kháng chấn đặc biệt dưới dạng hệ thống cách ly địa chấn phổ biến hơn cả, bởi hiệu quả đạt được rất cao đối với các tòa nhà/ công trình có công năng khác nhau. Hệ thống này có chức năng giảm bớt năng lượng truyền sang công trình trong quá trình dao động rung lắc, thông qua việc lắp đặt các phụ kiện có đặc tính đàn hồi cao tại nhiều mức khác nhau. Các phụ kiện này giúp giảm, thậm chí triệt tiêu phạm vi ảnh hưởng của các chấn động tới công trình xây dựng trong một giai đoạn dài. Trên thế giới, số lượng công trình xây dựng có ứng dụng các hệ thống kháng chấn này khá lớn, bao gồm rất nhiều công trình có không gian ngầm. Những tòa nhà/ công trình như vậy được xây nhiều tại Nhật Bản, Trung Quốc, Nga, Armenia và nhiều nước khác.

Tuy nhu cầu tương đối lớn, việc ứng dụng các hệ thống kháng chấn tại các công trình có không gian ngầm, có tính tới đặc điểm xuất hiện tác động rung chấn và đặc điểm đất nền vẫn cần được tiếp tục nghiên cứu.

Tác giả bài viết muốn đề cập thêm tới các công trình nhà ở có từ 2 tầng hầm đỗ xe trong khu vực thường có các hiện tượng địa chấn. Việc đánh giá mức độ ảnh hưởng của các không gian ngầm tới tính kháng chấn của cả công trình đã được các chuyên gia Nga thực

hiện thông qua công trình thực nghiệm tại vùng Viễn Đông, và kết quả này được so sánh với công trình không có bãi đỗ xe ngầm. Giải pháp kết cấu phần nổi trên mặt đất là hệ khung toàn vẹn. Các cột bằng bê tông cốt thép tiết diện vuông 300 x 300mm; bước cột theo hướng dọc là 3m, theo hướng ngang là 3m và 6m. Các tấm sàn đúc nguyên khối. Phần ngầm dưới đất của tòa nhà được thực hiện bằng các tấm bê tông cốt thép đúc sẵn chiều dày 800mm với các tường đúc nguyên khối theo phương thẳng đứng, và các cột tiết diện vuông 350 x 350mm. Các tấm sàn trong phần ngầm cũng là tấm bê tông cốt thép đúc sẵn nguyên khối.

Trong thiết kế, các gối đỡ cách chấn nổi tiếng của công ty FIP industrial được sử dụng để tăng khả năng kháng chấn cho công trình. Đó là những ổ trụ cấu tạo từ nhiều lớp cao su xen kẽ với kim loại (thép). Trụ có đặc điểm độ cứng theo phương nằm ngang thấp, độ cứng theo phương thẳng đứng cao, và khả năng giảm xóc cao. Khi nền đất rung động, thiết bị có biến dạng lớn, kết cấu phía trên nhờ có quán tính lớn nên chỉ chịu một dao động nhỏ. Hư hại kết cấu và thiết bị trong công trình do đó được giảm thiểu. Trong quá trình nghiên cứu, các chuyên gia cũng xem xét các đặc tính đàn hồi khác nhau của các ổ trụ cao su kim loại. Các nghiên cứu tính toán được thực hiện bằng việc sử dụng chương trình tổ hợp "Autodesk robot structural analysis".

Cấu tạo nhiều lớp cao su mỏng xen kẽ các tấm thép giúp tăng độ cứng chịu nén cho gối mà vẫn đảm bảo sự biến dạng cắt linh hoạt theo phương ngang. Do đó, sử dụng gối đỡ cách chấn đàn hồi đến nay vẫn được coi là biện pháp hiệu quả để cô lập các hoạt động rung chấn, tối thiểu hóa tác động từ các hiện tượng địa chấn tới công trình xây dựng. Hơn nữa, cơ chế hoạt động của gối đỡ cách chấn mang tính chất thụ động nên khá đơn giản, dễ dàng trong vận hành, bảo trì và có giá thành tương đối thấp.

Việc mô tả điều kiện đất nền, các mô hình tính toán đều được phân tích kỹ trong quá trình

thiết kế. Sự tương tác của kết cấu nằm sâu trong đất với đất được thực hiện nhờ hệ số Poisson. Việc tính toán hệ số này được thực hiện trong tổ hợp chương trình riêng cho các tấm móng theo phương ngang và các tường theo phương đứng của các hầm đỗ xe. Việc tính toán được thực hiện có sử dụng biện pháp phổ quang kết hợp ghi lại sự tăng tốc của đất khi có động đất mạnh từ 7 đến 9 độ richter. Nguyên nhân chủ yếu gây ra hư hỏng hoặc sụp đổ công trình xây dựng khi có rung chấn là phản ứng của các công trình đối với chuyển động của nền đất. Chuyển động có gia tốc của nền sẽ sinh ra lực cắt đáy dưới móng công trình. Ở đây, lực đã bị hạn chế rất nhiều nhờ các gối đỡ cách chấn.

Kết quả được mô tả trực quan, thể hiện bằng biểu đồ lực xuất hiện trong các cột theo một trong các trục của tòa nhà. Phân tích kết quả cho thấy: Trong tòa nhà trước khi đặt các gối đỡ cách chấn, các bước nhảy rất rõ ở cả hai phần ngầm và trên mặt đất. Sau khi đặt gối đỡ, lực tại các vị trí giảm hẳn, biểu thị bằng các bước nhảy ngắn, ổn định hơn.

Như vậy, kết quả nghiên cứu có thể tóm tắt

như sau :

- Việc có các diện tích ngầm sẽ thay đổi tình trạng biến dạng khi chịu áp lực của mỗi công trình (cụ thể ở đây, khi chịu các tác động rung chấn, lực tác động vào các kết cấu sẽ tăng lên);

- Việc sử dụng hệ thống kháng chấn dưới dạng các gối đỡ đàn hồi giữa phần nổi và phần ngầm dưới đất là biện pháp hữu hiệu để kháng chấn khi giảm tải trọng rung chấn tới hai lần hoặc hơn;

- Hiệu quả kháng chấn có thể đạt được với các loại gối đỡ khác nhau;

- Điều kiện đất nền không thực sự ảnh hưởng tới hiệu quả hoạt động của hệ thống kháng chấn. Kết luận này được khẳng định bởi các số liệu được nhiều chuyên gia trong nước và quốc tế, nhiều nhà nghiên cứu phạm trù xây dựng trong các khu vực động đất đưa ra.

T.Belash

*Nguồn: Tạp chí Xây dựng nhà ở Nga
(tháng 12/2016)*

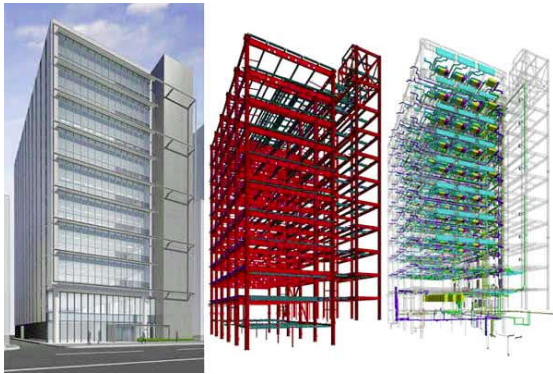
ND: Lê Minh

Mô hình hóa các cấu trúc chức năng công trình cao tầng

Các tòa nhà chọc trời là những hệ thống đa mức phức tạp được cấu thành từ những cấu trúc chức năng khác nhau, thể hiện một trong ba hình thức cơ bản của hoạt động sống - ở, làm việc, nghỉ ngơi. Nhằm bảo đảm sự tiện nghi, an toàn cho các hình thức hoạt động này, các công trình cao tầng luôn có trong cơ cấu của mình các cấu trúc cấu tạo, hỗ trợ và khai thác kỹ thuật; dựa vào đó các chức năng khác nhau của công trình được xác định. Trong thiết kế công trình cao tầng, điều kiện khí hậu tự nhiên luôn đóng vai trò quan trọng, đặc biệt là tải trọng gió. Hệ kết cấu bảo đảm tính an toàn trong vận hành khai thác công trình cũng có ý nghĩa quan trọng. Việc xây dựng mô hình phân

khu chức năng theo phương thẳng đứng của công trình cao tầng bảo đảm sự phân bố các cấu trúc chức năng đúng và hợp lý, qua đó bảo đảm sự tương tác giữa các cấu trúc, nâng cao chất lượng khai thác cho toàn bộ công trình.

Tiến trình đô thị hóa ở quy mô toàn cầu, tốc độ gia tăng dân số nhanh, giá đất cao tại các siêu đô thị, sự cần thiết sử dụng đất đai lãnh thổ hiệu quả và hợp lý, nỗ lực phát triển hạ tầng, sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên vật chất và năng lượng, nâng cao yêu cầu về tiện nghi - tất cả là nguyên nhân để xây dựng cao tầng phát triển, trở thành xu thế xây dựng tại nhiều thành phố lớn trên thế giới. Như vậy, bản chất của xây dựng cao tầng là cố gắng đạt được



Một số hình ảnh về mô hình thông tin cấu trúc của công trình xây dựng cao tầng

chiều cao và biểu đạt chiều cao đó bằng hình ảnh một tập hợp các cấu trúc xây dựng - kiến trúc và kỹ thuật (theo phương thẳng đứng). Trong xã hội hiện đại, những cao ốc chọc trời luôn là biểu tượng rực rỡ cho các thành tựu kiến trúc, kỹ thuật và kinh tế của thành phố.

Công trình cao tầng là một hệ thống phức hợp gồm các cấu trúc hình khối - không gian kiêm nhiệm các chức năng khác nhau, có ảnh hưởng trực tiếp tới việc phân khu chức năng (phân chia các chức năng khác nhau trong mỗi công trình). Còn trong tập hợp với các chỉ số khác như số tầng, vị trí, ý nghĩa về mặt quy hoạch đô thị, các giải pháp kiến trúc có thể có nhiều phương án thay đổi. Để làm rõ hơn sự phức tạp trong đặc tính của các kết cấu cấu tạo nên một công trình cao tầng, cũng như tính toán sự tương tác giữa các cấu trúc của một công trình và giữa các công trình với môi trường xung

quanh, cần xây dựng mô hình thông tin về các chức năng khác nhau của công trình chủ thể.

Theo các nhóm chức năng, mỗi chủ thể luôn có nhiều gian phòng khác nhau (để sinh sống - có các căn hộ để ở; để làm việc - có các phòng làm việc, văn phòng...). Tất cả các gian, phòng này thuộc cấu trúc cấu tạo, có thể chia nhỏ hơn thành các cấu trúc cơ bản, hỗ trợ và khai thác kỹ thuật.

Các cấu trúc cấu tạo cơ bản gồm có:

- Dành cho việc tạm trú hoặc lưu trú dài hạn: các căn hộ, phòng khách sạn;
- Dành cho làm việc và học tập: văn phòng, giảng đường; các phòng y tế, thư viện, công nghệ; các phòng trồng nông sản, rau củ...;

Trong thành phần cấu trúc hỗ trợ có:

- Dịch vụ - thương mại: siêu thị, cửa hàng, nhà hàng ăn uống, quán cafe, chi nhánh ngân hàng, bãi đỗ xe...;
- Văn hóa - giải trí: các sân chơi, công viên nước, bowling, rạp chiếu phim, sàn nhảy...;
- Sức khỏe - thể chất: các câu lạc bộ giải trí, salon chăm sóc sắc đẹp, phòng thể thao....

Các cấu trúc khai thác - kỹ thuật gồm các nhóm cầu thang bộ - thang máy, phòng thiết bị chữa cháy, phòng điều phối, kỹ thuật...

Khi chức năng của công trình được xác định, các tính chất cơ bản của công trình sẽ tùy thuộc vào việc xác định tiếp theo các phòng chức năng của cấu trúc khai thác - kỹ thuật (các đầu mối thang bộ - thang máy, phòng dịch vụ khai thác...). Các phòng này có thể được bố trí tại các tầng kỹ thuật, đôi khi ở tầng một và các tầng hầm. Ở tầng một, các gian, phòng này có thể chiếm tới 40% diện tích (thang máy, thang bộ, thang cuốn chiếm diện tích cơ bản). Tính phức tạp khiến diện tích dành cho cấu trúc này có thể chiếm từ 10 - 20% tổng diện tích tòa nhà. Cần nhớ rằng: "lối ra" của phần diện tích có ích trong mỗi công trình cao tầng phụ thuộc rất

nhiều vào sự bố trí hợp lý hệ thống kỹ thuật, đặc biệt là thang máy. Ngoài ra, một phần đáng kể diện tích tòa nhà cũng được dành cho các gian, phòng của hệ thống dịch vụ (hay còn gọi là cấu trúc hỗ trợ), về nguyên tắc thường được bố trí tại các tầng phía dưới cùng - siêu thị, nhà hàng, quán cafe, bể bơi, phòng tập thể thao, rạp phim... Một số cấu trúc hỗ trợ được bố trí tại các tầng trên cùng - nhà hàng, quán cafe, nơi ngắm cảnh... Các diện tích này có thể chiếm từ 15 - 20% tổng diện tích cả tòa nhà. Như vậy, diện tích dành cho các cấu trúc hỗ trợ và cấu trúc khai thác - kỹ thuật đã chiếm xấp xỉ 20 - 40% tổng diện tích. Trên cơ sở đó có thể xác định: diện tích có ích dành cho các cấu trúc cấu tạo trên thực tế chiếm khoảng 60 - 80% tổng diện tích mỗi công trình.

Từ phân tích trên đây có thể xác định loại hình của các công trình cao tầng như sau: Nếu chỉ một cấu trúc cấu tạo vượt trội (chiếm 60% tổng diện tích hoặc hơn) - công trình thuộc nhóm chuyên môn hóa. Các công trình trong đó cả ba thành phần cấu trúc cấu tạo phân bố tương ứng theo tỷ lệ 15 - 30 - 40%, công trình thuộc nhóm công trình đa năng.

Mô hình hóa thông tin cấu trúc của công trình cao tầng là một bước rất quan trọng trong thiết kế.

Khi nghiên cứu kiến trúc các công trình cao tầng, điều kiện tự nhiên (tức là các đặc tính bên ngoài) có ý nghĩa rất quan trọng - tải trọng gió, điều kiện về độ ẩm - nhiệt độ - ánh nắng, môi trường xung quanh. Các kết cấu bên ngoài công trình cần tiếp nhận sự chênh lệch về nhiệt độ, áp suất không khí và độ ẩm giữa không gian bên trong và bên ngoài. Các giải pháp hình khối - không gian của công trình cao tầng và việc lựa chọn ứng dụng các hệ kết cấu khác nhau, giải pháp cho kết cấu bao che bên ngoài và hệ thống kỹ thuật... đều phụ thuộc rất nhiều vào

tác động của thiên nhiên. Chính vì thế, cần xây dựng mô hình tác động của các yếu tố tự nhiên để xây dựng kiến trúc công trình cao tầng.

Khi tính toán tải trọng gió, các đặc điểm về tốc độ, hướng và tính chất gió đều được tính toán cụ thể. Khi gió tác động lên công trình, ngoài luồng gió trực tiếp, các luồng khí vận tốc cao trong đó có thể cảm nhận được sự dao động sẽ được quan sát bổ sung. Các sai sót có thể được loại trừ ngay từ giai đoạn thiết kế. Phương pháp tính toán tải trọng gió có thể tiến hành trên thực địa, bằng cách thổi gió vào mô hình công trình qua ống khí động học. Còn có thể tính toán chính xác tải trọng gió và nhiều yếu tố tự nhiên khác thông qua việc xây dựng mô hình trên máy tính theo sự điều chỉnh các giải pháp hình khối - không gian của công trình.

Lực tác động của gió lên công trình cao tầng được xác định bằng cấu trúc hình khối - không gian của công trình, địa hình vị trí, bởi các tòa nhà/ công trình hiện hữu, bởi cây cối và nhiều điều kiện khác. Khi nghiên cứu giải pháp hình khối - không gian và kiến trúc - quy hoạch của công trình cao tầng, việc tính toán tải trọng gió một cách toàn diện cho phép giảm tác động của gió, lựa chọn hướng tối ưu cho công trình, thông qua những giải pháp kỹ thuật và kết cấu hợp lý hơn; và kết quả cuối cùng được phản ánh rất tích cực bằng các chỉ số kinh tế của công trình.

Việc lựa chọn giải pháp kết cấu của công trình cao tầng tùy thuộc không chỉ vào giải pháp kiến trúc mà còn nhiều yếu tố khác - tác động của khí hậu tự nhiên, các mức tải khác nhau, các yêu cầu phòng chống cháy, tuổi thọ của công trình (hoặc kết cấu) theo thiết kế... Hiện nay có nhiều hệ kết cấu khác nhau dành cho công trình cao tầng - với tường chịu lực, với cột cứng, khung với các liên kết... Mấu chốt là cần có sự lựa chọn hệ thống kết cấu phù hợp.

Trong cơ cấu các công trình/ tổ hợp cao tầng

hiện đại, có các yếu tố căn bản có chức năng cấu tạo hình khối - không gian (các căn hộ, văn phòng...), các yếu tố chức năng dịch vụ (gara, cửa hàng, phòng thể thao, vườn kính, phòng khám, trường học tư,...). Khi xem xét công trình cao tầng dưới góc độ xây dựng kiến trúc công trình, có thể tách biệt một số yếu tố hiện hữu có ảnh hưởng tới công trình. Tất cả các yếu tố xét từ góc độ kiến trúc đều có thể phân ra thành yếu tố bên trong và yếu tố bên ngoài. Các yếu tố bên ngoài gồm các đặc tính sẵn có như chức năng chỉ định, các giải pháp hình khối - không gian và kiến trúc - quy hoạch. Các yếu tố bên trong gồm chức năng chỉ định, hệ kết cấu, các hệ thống kỹ thuật, trang thiết bị...

Việc mở rộng phạm vi chức năng của các công trình/ tổ hợp cao tầng được thể hiện trong các giải pháp quy hoạch phức tạp hơn (tại đó, các giải pháp kết cấu có thể được áp dụng), và trong việc thay đổi các yêu cầu về tính tiện nghi của các gian phòng có các chức năng khác nhau.

Để xem xét công trình một cách khách quan, trước hết, cần xây dựng mô hình thông tin công trình theo bậc hạng. Tại đó, mỗi yếu tố của công trình có thể được quan sát trong trạng thái tĩnh, và có thể phục vụ các nghiên cứu nền tảng để làm rõ các đặc tính và chất lượng khác nhau, sự phụ thuộc lẫn nhau, sự tương tác với nhau - tức là xác định quan hệ song phương giữa các yếu tố với nhau, giữa công trình và vị trí trong ngữ cảnh cụ thể về mặt quy hoạch đô thị. Trong đó, để xác định chính xác và hiện thực hóa các tính chất của công trình, cần xây dựng mô hình tương đương nguyên bản về mọi tính chất sẽ có để tiếp tục tiến hành các phân tích tổ chức chức năng của công trình.

Trong một công trình cao tầng luôn có sự góp mặt của nhiều cấu trúc chức năng khác nhau, cần được phân cấp và bố trí tương đối với

nhau. Tùy vào chức năng chỉ định, mỗi công trình đều có thể có một số mô hình thông tin khác nhau, sự khác biệt thể hiện ở tập hợp các thông số và phương thức đưa ra các thông số đó.

Cũng như một công trình kiến trúc, một công trình cao tầng có thể được xem xét như một hệ thống bao gồm những thành phần cấu tạo khác nhau về chức năng, giải pháp kiến trúc và kết cấu, các hệ thống kỹ thuật và thiết bị được áp dụng. Giải pháp của công trình (ý nghĩa chức năng, giải pháp kiến trúc và kết cấu) và chế độ khai thác công trình phụ thuộc vào các yếu tố bên trong và bên ngoài như điều kiện khí hậu tự nhiên, giải pháp hình khối - không gian và giải pháp kết cấu...

Trong mô hình hóa có mô hình động và mô hình tĩnh. Các yếu tố cơ bản tạo thành một hệ thống bậc hạng cấu thành từ các yếu tố bên trong và bên ngoài, cũng như tạo thành các tiểu hệ thống 1 - mô hình động, bao gồm các yếu tố bên ngoài; và tiểu hệ thống 2 - mô hình tĩnh, bao gồm các yếu tố bên trong. Theo sự phân cấp này còn cần xem xét cấp độ, gồm các dữ liệu đa yếu tố (như điều kiện khí hậu tự nhiên, ý nghĩa chức năng của công trình), và các dữ liệu đơn yếu tố (tải trọng gió và tải trọng tuyết, công trình thuộc nhóm chuyên môn hóa hay đa năng).

Mô hình động cho phép nhìn thấy những thay đổi của công trình trong một khoảng thời gian (ví dụ khi tính toán tải trọng gió hoặc rung chấn trong trường hợp xây dựng thêm cho công trình cao tầng, biến đổi công năng từ khách sạn thành nhà ở), hoặc các thay đổi trong hệ kết cấu, hệ mặt dựng của công trình trong quá trình khai thác.

Trong mô hình tĩnh (không có quá trình biến đổi), có thể tính tới các yếu tố bên trong (ý nghĩa chức năng, phân tích các giải pháp hình khối - không gian và kiến trúc - quy hoạch của

công trình). Trong mô hình tĩnh có thể hoàn thiện việc quy định rõ ý nghĩa chức năng của công trình, các cấu trúc và các yếu tố, các mối tương quan và quan hệ phụ thuộc, xác định việc phân khu chức năng bên trong công trình.

Từ các dữ liệu đa yếu tố, có thể xây dựng mô hình tĩnh biểu thị chức năng của công trình (kể cả công trình thuộc nhóm chuyên môn hóa cũng như đa năng).

Các giai đoạn mô hình hóa như sau:

- Đặt vấn đề;
- Nghiên cứu các yếu tố;
- Nghiên cứu mô hình thông tin;
- Xây dựng mô hình trên máy tính;
- Nghiên cứu các tiêu chí lựa chọn và đánh giá chất lượng các giải pháp kiến trúc - kỹ thuật;
- Phân tích kết quả việc mô hình hóa.

Phương pháp mô hình hóa công trình cao tầng cho phép xác định rõ ý nghĩa chức năng của công trình, phân cấp các yếu tố ảnh hưởng tới kiểu dáng kiến trúc, đánh giá các giải pháp được ứng dụng và trên cơ sở đó nghiên cứu phương án thiết kế.

Ý nghĩa chức năng của công trình cao tầng có ảnh hưởng căn bản tới giải pháp thiết kế. Chức năng có thể được phản ánh trong các ý tưởng kiến trúc, kết cấu và kỹ thuật. Hiển nhiên là việc thực hiện các điều kiện chức năng của công trình (bao gồm các dịch vụ hỗ trợ và xây dựng các điều kiện tối ưu) có tính tới các yêu cầu kiến trúc sẽ đưa tới giải pháp không gian căn bản kết nối kết cấu với giải pháp quy hoạch.

Khi xem xét cách tiếp cận của các nhà quy hoạch với việc phân cấp các công trình cao tầng và kiến trúc truyền thống, việc phân cấp công trình có thể được thực hiện dựa vào ý nghĩa chức năng, có tính tới các giải pháp hình khối - không gian và kiến trúc - quy hoạch. Ý nghĩa chức năng của công trình được xác định bởi đặc điểm các gian, phòng có trong đó. Để

nghiên cứu vấn đề phân cấp công trình cao tầng, trước hết cần phân tích thành phần chức năng, phân cấp các gian phòng trong đó, làm rõ các yếu tố cấu tạo và sự bố trí các yếu tố này bên trong công trình, tương quan và sự ảnh hưởng lẫn nhau của từng yếu tố.

Tải trọng gió, các tác động của độ ẩm và nhiệt độ cũng có ảnh hưởng lớn tới các giải pháp hình khối - không gian. Bên cạnh đó, cần tính tới các vấn đề lắp đặt và bố trí thiết bị kỹ thuật, cũng như biện pháp tháo gỡ hoặc giảm nhẹ tác động tâm lý về độ cao đối với những người sống hoặc làm việc trong các công trình cao tầng.

Khi xem xét công trình cao tầng từ góc độ kiến trúc, có thể phân biệt một số yếu tố sẵn có ảnh hưởng tới công trình. Mọi yếu tố từ góc độ kiến trúc đều có thể phân loại thành yếu tố chính và phụ. Yếu tố chính là các đặc tính sẵn có như ý nghĩa chức năng, giải pháp hình khối - không gian và kiến trúc - quy hoạch. Yếu tố phụ là hệ kết cấu, hệ thống kỹ thuật và trang thiết bị.

Giải pháp kiến trúc quy định bố cục các hình khối, kích thước, nhịp độ, giải pháp màu sắc và ánh sáng, giải pháp kết cấu, sự kết hợp với các công trình xây dựng, với thiên nhiên và cảnh quan xung quanh, thiết lập không gian dành cho con người. Bởi vậy, tính toán các yêu cầu chức năng là nhiệm vụ cấp thiết khi nghiên cứu giải pháp kiến trúc công trình cao tầng.

Các hệ thống kỹ thuật và trang thiết bị bảo đảm điều kiện tiện nghi sinh hoạt trong các công trình cao tầng (điều kiện nhiệt độ, vệ sinh, âm thanh, ánh sáng). Số lượng lớn các hệ thống kỹ thuật và thiết bị, đặc biệt là thang máy, đòi hỏi diện tích đáng kể. "Lối ra" của phần diện tích có ích phụ thuộc rất nhiều vào cách sắp xếp bố trí hệ thống kỹ thuật và thiết bị. Phương tiện di chuyển theo phương thẳng đứng bên

trong các công trình cao tầng luôn có giá thành cao và chiếm một phần đáng kể diện tích xây dựng (xấp xỉ 18%).

Một khía cạnh quan trọng nữa trong việc thiết kế là năng lượng của công trình. Hầu hết các thiết kế của những tòa nhà chọc trời hiện đại đều có điểm nhấn là khả năng tự sản xuất năng lượng đáp ứng được nhu cầu tiêu thụ thông qua “lớp vỏ” công trình và nguồn năng lượng dưới lòng đất (địa nhiệt). Tòa tháp Commerzbank tại Frankfurt (CHLB Đức) là một ví dụ. Việc tối ưu hóa chế độ nhiệt độ đạt được nhờ các kết cấu “nén” có lớp phủ đặc biệt, do đó tiết kiệm đáng kể chi phí khi khai thác.

Phòng chống cháy là một trong các yếu tố quan trọng đảm bảo an toàn cho mọi người sinh hoạt bên trong công trình cao tầng. Các yêu cầu về an toàn cháy nổ có thể thay đổi tùy thuộc vào ý nghĩa chức năng, vào chiều cao công trình, các giải pháp kết cấu, phương tiện

và thiết bị ứng dụng khi có hỏa hoạn. Đối với mỗi cư dân sống và làm việc trong một công trình cao tầng cụ thể, trở ngại lớn là di tản khó khăn nếu có sự cố hỏa hoạn, và khó khăn để chữa cháy. Phương tiện duy nhất để di tản trong các công trình cao tầng là cầu thang bộ; trong khi đó, khi số tầng tăng lên sẽ tăng nguy cơ khói mù. Việc mô hình hóa một công trình cao tầng sẽ nâng cao khả năng quan sát trực quan đa chiều, từ đó đề xuất phương án tổ chức cấu trúc hình khối - không gian của công trình cao tầng một cách tối ưu, tối giản những nguy cơ tiềm ẩn, bảo đảm an toàn sống cho cư dân bên trong.

A.Magai

*Nguồn: Tạp chí Xây dựng Nhà ở Nga
tháng 12/2016*

ND: Lê Minh

Những công nghệ cải tiến được ứng dụng để bảo tồn các công trình di sản tại Saint Peterburg (Nga)

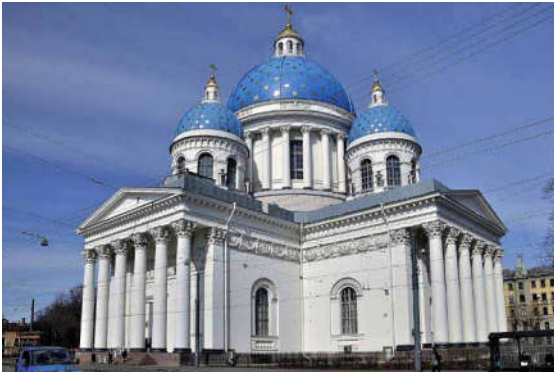
Saint Peterburg được coi là thành phố - bảo tàng kiến trúc ngoài trời có một không hai trên thế giới. Trong hơn hai thế kỷ qua, khu vực trung tâm cố đô nước Nga vẫn được coi là mẫu mực về tính quần thể trong kiến trúc; và ngày nay trung tâm lịch sử của thành phố đang nằm trong danh sách di sản cần được bảo tồn của UNESCO. Việc xây dựng mới tại đây có thể được phép, song có những hạn chế nhất định. Rào cản chính đối với các nhà đầu tư là điều kiện xây dựng - đặc biệt là cần bảo vệ các công trình xây dựng mang tính lịch sử - do đó, tính phức tạp và giá thành xây dựng tăng lên nhiều lần. Thực tiễn thế giới cho thấy: Khai thác không gian ngầm không phải là phương án khả thi duy nhất để phát triển trung tâm lịch sử của một thành phố. Xây dựng dưới lòng đất về nguyên tắc luôn là một tổ hợp công việc phức tạp; tuy nhiên trong điều kiện thực tế



*Công trình lịch sử - tòa nhà cũ của nhà hát
Marinka*

của Saint Peterburg, đây dường như là giải pháp hàng đầu.

Liên bang Nga có những tiêu chuẩn (SNiP) rất chặt chẽ, theo đó, độ lún của các công trình lịch sử không được vượt quá 10mm; trong khi từ hố móng của công trình kế bên hàng trăm mét



Nhà thờ Đức Chúa Ba ngôi với 5 mái vòm tráng lệ khối đất có thể được đào xới lên. Theo luật về bảo vệ các công trình di sản của Liên bang, nghiêm cấm các hoạt động xây dựng trong khoảng cách 100m từ ranh giới bên ngoài công trình di tích lịch sử (150m đối với quần thể di tích). Nếu ranh giới này không thể phân định, khu vực bảo vệ sẽ mở rộng tới 200m. Ở đây, trình độ chuyên môn của các nhà thầu cũng như công nghệ được ứng dụng là vô cùng quan trọng. Ví dụ: có những thiết bị cho phép xây tường vây cọc ván dưới áp suất tĩnh; song điều đó chưa đủ, vẫn cần các giải pháp bổ sung để gia cố nền móng của các công trình xung quanh. Vai trò chủ đạo được chuyển giao cho các nhà thiết kế - những người cần thực hiện các tính toán địa kỹ thuật và đưa ra những giải pháp hiệu quả.

Phương pháp thử nghiệm

Hiện nay, có rất nhiều công nghệ của thế giới đã và đang được các nhà thiết kế Saint Petersburg áp dụng. Từ giữa thập niên 90, các Hội nghị địa kỹ thuật quốc tế đã nhìn nhận: Để cứu các công trình lịch sử, phương án phù hợp nhất (và cho tới nay vẫn là biện pháp không thể thay thế) là áp dụng cọc khoan nhồi, nói cách khác là ghép móng.

Phương pháp này đề xuất tạo các lỗ khoan nghiêng qua thân móng tới lớp đất thịt, với đường kính thông thường 100 - 150mm. Lỗ khoan được lấp đầy bê tông, sau đó đặt cốt. Các cọc được tạo ra như vậy (theo các hướng khác nhau) theo chu vi sẽ xác lập một nền cần

được gia cố với bước 1,5m.

Giải pháp kinh điển khác do các kỹ sư Đức đề xuất là sử dụng các cọc loại "Titan". Công nghệ này cũng xem xét việc tạo những lỗ khoan trong thân móng. Khi đi tới lớp đất thịt, một ống có đường kính nhỏ hơn đầu mũi khoan được đưa vào. Thiết bị sẽ quay cọc quanh trục của nó để đưa cọc xuống sâu. Dưới áp suất rất lớn - tới 1000 atmosphere - vữa bê tông được đổ vào và hòa cùng với đất thịt. Như vậy, bên dưới móng hình thành cọc bê tông đất có cốt cứng, thân ống đóng vai trò làm cốt cho các cọc này. Phương pháp này rất hiệu quả bởi từ dưới móng đất không bị đào lên, như vậy khả năng xuất hiện lún sụt khó xảy ra. Tuy nhiên, giải pháp này rất đắt tiền.

Nhà trên cọc là giải pháp khá thú vị được áp dụng trong quá trình phục chế nhà thờ Đức Chúa Ba ngôi bên bờ sông Neva. Trong những năm 30 thế kỷ trước (dưới thời Stalin), nhà thờ 5 mái này đã bị tháo dỡ các mái vòm, chỉ để lại mái phẳng, bản thân công trình được trang bị lại hoàn toàn để phục vụ nhu cầu sản xuất. Giờ đây, để trả lại diện mạo như xưa cho công trình tuyệt đẹp này, việc trước tiên cần làm là gia cường móng. Công trình được xây dựng tại khu vực đất yếu; trước khi khởi công phục dựng, độ nghiêng công trình đã đo được 40cm. Sau khi xây giàn đỡ của mái vòm chính và 4 mái nhỏ còn lại, tải trọng lên móng sẽ gia tăng, có thể dẫn tới sụp đổ cả công trình.

Vấn đề được giải quyết bằng cách ghép móng trên các cọc ép lún. Bên trong nhà thờ, giữa các bức tường ngoài chịu lực, lớp đệm bê tông được đổ. Các lỗ khoan được tạo theo chu vi tấm bê tông này. Trong các lỗ khoan ở độ sâu 20m, nhờ thiết bị kích dài các ống thép được ép xuống. Trong các ống đều có cốt và được đổ đầy bê tông. Để phân bố tải trọng, các cọc được tạo phía ngoài tường. Bên cạnh đó, việc ép lún không ảnh hưởng tới cả khối đất nền, do đó khả năng sụt lún khó xảy ra.

Các phương án cho nhà hát Marinka



Một số hình ảnh quá trình gia cố móng cho nhà thờ Đức Chúa Ba ngôi

Để lựa chọn đúng công nghệ gia cường móng cho các công trình lịch sử, trước hết phải nghiêm túc nghiên cứu công nghệ xây dựng của các công trình đó. Trên thực tế, việc xây móng thường diễn ra như sau: rãnh được đào, dưới đáy rãnh đặt dầm đáy - gỗ tròn, bên trên rải đá dăm (thường là đá vôi dolomit khai thác trong tự nhiên); tất cả được cố kết bằng vữa vôi.

Theo phương pháp này, móng của sân khấu cũ nhà hát Marinka đã được xây dựng trước đây. Tuy vậy, nền của cả công trình nằm trong phạm vi các mạch nước ngầm. Khi mực nước giảm, các vi khuẩn phá hủy những kết cấu gỗ rất mạnh. Tới giữa thế kỷ trước, trong thời gian mở rộng công trình nhờ thu hẹp lòng kênh đào Kriukov, móng phần sân khấu cũ của nhà hát đã bị hư hại nghiêm trọng. Do đó, việc phục chế hạng mục này trở thành nhiệm vụ cấp thiết.

Các cuộc thảo luận xung quanh đề án phục dựng diễn ra đã nhiều năm nay. Phương án đầu tiên được các nhà khảo sát cho kết luận từ năm

2006, song hơn 10 năm đã trôi qua vẫn cần điều chỉnh. Các nhà thiết kế cần lập lại gần như toàn bộ hồ sơ thiết kế, đề xuất các giải pháp mới liên quan tới móng công trình, và thực hiện các tính toán bổ sung. Các điều kiện kỹ thuật đặc biệt được nghiên cứu kỹ hơn trong quá trình khảo sát lại.

Đầu tiên, các chuyên gia đưa vào dự án giải pháp gia cố nền không theo một chuẩn mực truyền thống nào. Họ đề xuất khoan móng và lấp đầy lỗ rỗng giữa các dầm đáy bằng vữa bê tông, tức là loại trừ khả năng xâm nhập của không khí tới các thanh gỗ xà. Các tính toán cho thấy kết quả bảo toàn khả năng chịu lực của nền. Tuy nhiên, trong quá trình khảo sát, phương án chưa đạt sự tin tưởng tuyệt đối; do đó giải pháp đắt giá hơn (mức độ bảo đảm cũng cao hơn) là ghép móng trên các cọc loại “Titan” được quyết định áp dụng.

Ngoài ra, còn một nhiệm vụ phức tạp nữa cần giải quyết. Dự án do các kỹ sư và chuyên gia Pháp nghiên cứu, trong đó xem xét mở rộng đáng kể không gian bên dưới sân khấu (còn được gọi là hầm). Kết quả là mức sàn thấp hơn đế móng tới 10cm. Để tránh hiện tượng biến dạng, các nhà thiết kế đã nghiên cứu việc xây dựng một tường chắn bằng các cọc cát tuyến, bản thân móng được “đặt” trên các cọc “Titan”; còn phía dưới sàn thiết lập bãi cọc.

Tới nay vẫn chưa thể xác định thời điểm triển khai đề án phục dựng sân khấu cũ của nhà hát Marinka. Theo ông Valeri Gherghiev - Giám đốc nhà hát, các khảo sát và tính toán cần được tiến hành thêm trong một thời gian nữa để làm rõ một số vấn đề nữa liên quan tới việc phục dựng nguyên trạng nhà hát Marinka - công trình lịch sử hơn 150 năm tuổi, gắn liền với thời kỳ hưng thịnh nhất của nước Nga Sa hoàng.

Iliia Bezruchko

*Nguồn: Báo Xây dựng Nga số 4
(ngày 3/2/2017)*

ND: Lê Minh

An toàn lao động trong thi công xây lắp

Đánh giá tình trạng an toàn lao động

Xây dựng là một trong những ngành công nghiệp có rủi ro xảy ra tai nạn cao, liên quan đến nhiều yếu tố sản xuất. Các yếu tố này xuất hiện một cách thường xuyên hoặc dưới dạng tiềm ẩn, qua đó làm tăng thêm rủi ro nghề nghiệp.

Công cuộc cải tổ ở nước Nga hiện đại được bắt đầu từ thời kỳ Liên Xô, dẫn đến sự phá vỡ hệ thống an toàn lao động (ATLĐ) đã hoạt động tương đối ổn định từ thời kỳ đó, mặc dù vào thời điểm nêu trên mức độ tai nạn công nghiệp cao.

Số liệu thống kê về tai nạn nghề nghiệp từ năm 1980 đến năm 2014 cho thấy nếu sử dụng các giá trị tính "trên 1000 người lao động", thì từ năm 1980 đến năm 1990, số lượng tai nạn giảm gần 1,3 lần (tai nạn gây tử vong giảm 1,4 lần), năm 2000 giảm 1,6 lần (tai nạn gây tử vong giảm gần 1,3 lần), năm 2014 giảm 6 lần (tai nạn gây tử vong giảm hơn 2,7 lần). Hơn nữa, chỉ số chung về số lượng tai nạn tính "trên 1000 người lao động" giảm từ 8,4 còn 6,3 vào năm 1993 và giữ ổn định từ giữa năm 1994 đến năm 2000 (trừ năm 1996 mức giảm là 6,3).

Sau đó cho đến năm 2014 số lượng tai nạn giảm 1,4 lần. Chỉ số về tai nạn gây tử vong tính "trên 1000 người lao động" từ mức 0,183 năm 1980 giảm ổn định còn 0,128 vào năm 1991. Sau đó, lần đầu tiên tăng lên đạt mức 0,131 vào năm 1992, đến năm 1995 tăng lên đạt mức 0,138, tăng đến mức 0,155 vào năm 1996, tiếp theo là sự giảm ổn định trong suốt khoảng thời gian tính đến năm 2014 còn 0,067 (ngoại trừ sự gia tăng trong năm 2000 đạt mức 0,149).

Lưu ý đến các tai nạn xảy ra ở Liên Xô vào thập niên 1980: Sự cố tại nhà máy điện hạt nhân Chernobyl năm 1986; nổ 3 toa xe lửa vận chuyển chất nổ gần ga Arzamas -1 (1.500 người bị thương, 91 người thiệt mạng); nổ khí đốt tại đường ống tại Bashkortostan năm 1989 khiến 1.198 hành khách và công nhân đường

sắt bị thương trong số 1.377 hành khách và 86 công nhân đường sắt của hai tàu chở khách (trong đó có 575 người thiệt mạng).

Khảo sát tình trạng ATLĐ qua số liệu thống kê

Tại LB Nga, một thực trạng bắt đầu xuất hiện từ thời kỳ Liên Xô và còn tiếp diễn đến ngày nay là số lượng người lao động làm việc trong các điều kiện độc hại và nguy hiểm thường đạt mức cao.

Những lĩnh vực đã và đang phải đối mặt với nhiều vấn đề là các ngành công nghiệp nói chung, các ngành xây dựng, giao thông vận tải.

Số lượng người lao động làm việc trong điều kiện độc hại và (hoặc) nguy hiểm đạt mức cao. Nếu từ năm 1990 đến năm 2000, tỷ lệ này là 22% tính trên tổng số người lao động trong ngành công nghiệp thì thời gian từ năm 2010 đến năm 2014 tỷ lệ trên thay đổi trong khoảng từ 30% đến 57%, tùy thuộc vào từng ngành. Ví dụ, ngành khai thác khoáng sản, tỷ lệ người lao động làm việc trong các điều kiện độc hại và nguy hiểm giai đoạn năm 2010 - 2013 đạt dưới 47% đến năm 2014 tỷ lệ đó đã vượt quá 57%. Trong ngành xây dựng giai đoạn năm 1990 - 2000, tỷ lệ trên đạt không quá 10%, nhưng đến giai đoạn năm 2010 - 2013 tỷ lệ đó đạt gần 24%, và năm 2014 - trên 35%. Trong ngành giao thông vận tải, tỷ lệ đó tính cho giai đoạn năm 1990 - 2000 và giai đoạn năm 2010 - 2014 dao động ở mức 12% - 15%.

Đối với ngành công nghiệp, tỷ lệ người lao động sử dụng các thiết bị không đáp ứng yêu cầu về ATLĐ đã giảm từ 1,8% vào năm 1990 còn 0,4% vào năm 2000, đối với ngành xây dựng - giảm từ 0,4% còn 0,1%, và ngành giao thông vận tải - giảm từ 0,9% còn 0,1%. Trong khoảng thời gian năm 2010 - 2014, tỷ lệ người lao động làm việc trên các thiết bị không đáp ứng yêu cầu BHLĐ dao động trong khoảng 0,3% - 1,8% tùy thuộc vào từng ngành, trong

đó ngành xây dựng là 0,2% - 0,3%, ngành giao thông vận tải là 0,2%.

Thời gian năm 1990 - 2000, số lượng người lao động làm công việc lao động thủ công nặng nhọc thay đổi trong khoảng từ 2,7% đến 3,2%, trong ngành xây dựng - tăng từ 2,7% lên 4,3%, trong ngành giao thông vận tải - giảm từ 1,1% xuống 0,1%. Năm 2010 - 2014, đối với các ngành công nghiệp, tùy theo từng ngành, tỷ lệ nêu trên đạt từ 10% - 30%, trong xây dựng - tăng từ 11,5% lên 18,8%, trong giao thông vận tải - tăng từ 10,6% lên 12,8%.

Số liệu thống kê cho thấy năm 2014 ngành sản xuất chế biến sử dụng 5% trong tổng số lao động (mức thấp nhất), năm 2011 khai thác khoáng sản sử dụng 17,5% trong tổng số lao động (mức cao nhất). Trong xây dựng, 7% - 8% số lượng công nhân làm việc căng thẳng, trong giao thông vận tải con số này là 13,5% - 15%.

Có thể nhận thấy rằng ở nước Nga ngày nay tình trạng TNLĐ xây dựng đạt mức cao đã diễn ra trong nhiều thập niên. Thêm vào đó hiện nay lĩnh vực kinh doanh xây dựng không chỉ sử dụng số lượng lớn người lao động mà còn nhiều hơn rất nhiều so với những năm trước. Hơn nữa, từ công tác khảo sát và thiết kế đến việc xây dựng và vận hành các công trình xây dựng được thực hiện bởi các tổ chức xây dựng lớn, vừa và nhỏ, có lực lượng lao động đồng bộ, với sự tham gia của đội ngũ các kỹ sư và công nhân được đào tạo chuyên nghiệp. Việc thành lập bộ phận BHLĐ được xem là bắt buộc đối với các tổ chức xây dựng đó.

Làm việc trong điều kiện độc hại và nguy hiểm, mức độ mắc bệnh nghề nghiệp trong công nhân trở nên cao hơn. Trong số liệu thống kê, chỉ tiêu "Số bệnh nhân mới mắc bệnh nghề nghiệp (do nhiễm độc)" có ý nghĩa rất nghiêm trọng chứ không chỉ là một thuật ngữ thống kê. Nó có nghĩa là mức tăng hàng năm được cộng dồn với giá trị đã được xác định cho những năm trước đó. Số liệu thống kê không nêu ra tổng số người trong nước mắc các bệnh liên quan đến

bệnh nghề nghiệp. Rõ ràng, đây là một vấn đề khá phức tạp, bởi vì, trước hết, bệnh nghề nghiệp không chữa khỏi được hoàn toàn và chỉ có thể duy trì một mức độ nhất định về sức khỏe đối với người đã được chẩn đoán. Thứ hai, việc bảo đảm sự tin cậy của thông tin đòi hỏi thông tin về tuổi thọ và sự tử vong của những người thuộc nhóm người này do mắc bệnh nghề nghiệp mà căn bệnh của họ đã từng được xác định là có liên quan đến bệnh nghề nghiệp từ các năm trước đó.

Phân tích thông tin về bệnh nghề nghiệp cho thấy mức độ mắc bệnh nghề nghiệp đã giảm gần 1,7 lần trong thời gian từ năm 1990 đến năm 2014. Số liệu đó được lý giải theo điều kiện làm việc và số lượng người bị tai nạn.

Để kết luận phần phân tích tổng quan về các số liệu thống kê, lưu ý rằng việc đánh giá toàn diện tình hình tai nạn trong phạm vi cả nước xét về tổng thể còn chưa thực hiện được do thiếu số liệu về tai nạn sinh hoạt. Các tài liệu hiện có và các nghiên cứu về tai nạn sinh hoạt trong nước chủ yếu mới đề cập đến tai nạn do điện.

Vào thập niên 1980, trong nước nói chung và ngành xây dựng nói riêng đã đề xuất các biện pháp nhằm ngăn ngừa và giảm thiểu tai nạn và đã góp phần nâng cao trách nhiệm cá nhân của người lao động vì sự an toàn của chính họ thông qua xây dựng động lực làm việc an toàn và hình thành kiến thức, kỹ năng và hiểu biết về ATLĐ. Đó là việc sử dụng các phương pháp đào tạo tích cực kết hợp sử dụng công cụ hỗ trợ trực quan sẵn có và phát triển các công cụ mới (như thẻ nhớ BHLĐ, biên soạn tài liệu giảng dạy mang tính tiêu chuẩn kèm theo hỗ trợ đồ họa, phát triển trò chơi kinh doanh về BHLĐ dành cho người lao động làm việc trong các chuyên ngành xây dựng, v.v...).

Hầu hết các tổ chức xây dựng đang tham gia các công việc xây dựng hiện đại còn chưa có đội ngũ cán bộ, nhân viên được đào tạo chuyên nghiệp để thực hiện công tác BHLĐ hoặc số lượng nhân viên này còn thiếu.

Ngoài ra, trên thị trường lao động ngày nay, khối lượng công việc do các tổ chức xây dựng nhỏ có số lượng nhân công ít thực hiện chiếm một tỷ lệ cao trong khi đó các tổ chức xây dựng đó thực hiện chính sách tiết kiệm trong tuyển dụng lao động có trình độ chuyên môn nghiệp vụ và làm việc lâu dài. Đôi khi cách tiếp cận này cũng được áp dụng đối với cán bộ kỹ thuật xây dựng. Điều đó liên quan đến số lượng lao động được tuyển dụng, khi lực lượng lao động và nhân viên kỹ thuật làm việc trực tiếp trên công trường được tuyển dụng chỉ để thực hiện một đơn hàng cụ thể. Điều này cũng được cho là nguyên nhân của tình trạng hệ thống trang thiết bị cơ giới hóa của tổ chức xây dựng còn yếu kém và tổ chức xây dựng thường xuyên phải thuê trang thiết bị của các tổ chức khác trong khi tình trạng của các trang thiết bị đó không phải lúc nào cũng đáp ứng được các yêu cầu về an toàn.

Nhiều tổ chức xây dựng mới, tiếp cận các vấn đề về ATLĐ một cách hình thức hoặc thiếu sự quan tâm đến ATLĐ. Thời điểm “khẩn cấp” chỉ đến với họ khi nào trên công trình xảy ra TNLĐ hoặc xuất hiện hiện tượng kém an toàn, khi đó họ mới sử dụng các cơ quan kiểm tra để tiến hành tổng kiểm tra các hoạt động. Đối với các tổ chức đó cần các biện pháp mạnh nhằm buộc họ tập trung giải quyết các nhiệm vụ và các vấn đề về BHLĐ, đồng thời cần quan tâm tình trạng thiếu các chuyên gia BHLĐ và cần chỗ trụ cho giai đoạn đầu trong thời kỳ tổ chức công việc BHLĐ mà mới nhận thức được.

Ngoài ra, trong những năm gần đây đã diễn ra những thay đổi đáng kể trong hệ thống các văn bản pháp quy kỹ thuật có sự tác động sâu sắc đến hoạt động sản xuất:

- Các luật cơ bản của liên bang đã được ban hành như: Luật "Về quản lý kỹ thuật", Luật "Quy định kỹ thuật về an toàn nhà và công trình", Luật "Quy định kỹ thuật về các yêu cầu an toàn cháy”;

- Danh mục các tiêu chuẩn và quy phạm

quốc gia đã được phê duyệt, theo đó việc bắt buộc thực hiện một phần trong số các tiêu chuẩn và quy phạm nêu trên sẽ bảo đảm đáp ứng các yêu cầu của Luật liên bang "Các quy định kỹ thuật về an toàn nhà và công trình”;

- Danh mục các văn bản trong lĩnh vực tiêu chuẩn hóa đã được phê duyệt, theo đó việc tự nguyện thực hiện các văn bản nêu trên sẽ bảo đảm đáp ứng các yêu cầu nêu tại Luật liên bang "Các quy định kỹ thuật về an toàn nhà và công trình”;

- Cơ quan Tiêu chuẩn hóa Liên bang Nga đã ban hành Quyết định số 2244 "Về việc bổ sung sửa đổi danh mục các văn bản về lĩnh vực tiêu chuẩn hóa”, theo đó việc tự nguyện thực hiện các văn bản này sẽ bảo đảm đáp ứng các yêu cầu nêu tại Luật liên bang "Quy định kỹ thuật về an toàn của nhà và công trình”;

- Tiêu chuẩn nghiệp vụ "Người chuyên gia trong lĩnh vực BHLĐ" đã được ban hành;

- Một số quy định mới về BHLĐ trong thi công xây lắp đã được ban hành, như: "Quy định về BHLĐ khi làm việc trên cao", "Quy định an toàn đối với các công trình sản xuất nguy hiểm có sử dụng thiết bị nâng", "Quy định về BHLĐ trong vận hành thiết bị điện” và các văn bản khác.

Điều đó cho thấy sự cần thiết nêu ra những định hướng mới cho việc tổ chức công tác an toàn và khôi phục việc thực hiện các biện pháp đã từng được áp dụng trước đây. Ví dụ, năm 2012 Trường đại học tổng hợp kiến trúc - xây dựng Kazan phối hợp với tổ chức tự chủ "Hội Xây dựng Cộng hòa Tatarstan" biên soạn và phát hành tài liệu "Hướng dẫn phương pháp tổ chức công tác BHLĐ trong các tổ chức xây dựng. Các văn bản tiêu chuẩn, định mức địa phương trong xây dựng ". Tài liệu được gửi đến tất cả các tổ chức xây dựng là thành viên của Hội Xây dựng, cũng như các tổ chức xây dựng khác của Cộng hòa Tatarstan và đã phát huy được vai trò tích cực, giúp các tổ chức đó thực hiện trên thực tế công tác BHLĐ.

Một kết luận có thể nêu ra là vào thời đại

của chúng ta, khuôn khổ pháp lý và các quy định về an toàn đang nhanh chóng "bị lạc hậu" trong điều kiện đổi mới hệ thống quản lý nhà nước. Công tác đào tạo ATLĐ và an toàn công nghiệp, cũng như việc tổ chức công tác an toàn nếu được thực hiện theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn và định mức "cũ", có thể gây ra các hậu quả không khắc phục được.

Cần thiết biên soạn thêm các tài liệu hướng dẫn mới tương tự như tài liệu nêu trên áp dụng cho các tổ chức xây dựng, ngành nhà ở và công trình công cộng cũng như các ngành công nghiệp khác, đặc biệt là đối với các tổ chức có điều kiện lao động độc hại, nguy hiểm và rủi ro TNLĐ cao cũng như có nhiều công việc lao động thủ công.

Hướng dẫn phương pháp nêu trên nên hướng vào việc tổ chức công tác BHLĐ đối với một tổ chức cụ thể (một pháp nhân) hoạt động trong lĩnh vực xây dựng và/ hoặc một thành viên của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp tự chủ. Mục đích của tài liệu này là:

- Phòng ngừa tai nạn sản xuất và bệnh nghề nghiệp;
- Giảm nhẹ (loại trừ) sự tác động của các yếu tố sản xuất mang tính độc hại và (hoặc) nguy hiểm lên người lao động, giảm rủi ro mắc các bệnh nghề nghiệp.

Người chịu trách nhiệm về tình trạng BHLĐ trong tổ chức là người lãnh đạo của tổ chức, kể cả đối với tất cả các hậu quả của tình trạng đó.

Theo Điều 217 của Bộ luật Lao động LB Nga, với mục tiêu bảo đảm thực hiện các yêu cầu về BHLĐ và kiểm tra việc thực hiện các yêu cầu đó, người sử dụng lao động (người lãnh đạo của tổ chức) thành lập bộ phận BHLĐ hoặc bổ nhiệm chuyên gia phụ trách BHLĐ đã được đào tạo ở mức độ cần thiết hoặc có kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực này.

Chịu trách nhiệm về công tác BHLĐ trong một tổ chức ngoài người lãnh đạo còn có cán bộ do lãnh đạo tổ chức ra quyết định giao nhiệm vụ tổ chức công tác BHLĐ. Thông

thường trách nhiệm trên được giao cho kỹ sư trưởng. Ngoài ra, mỗi tổ chức còn có một chuyên gia chuyên trách công tác BHLĐ. Người chuyên gia này có thể là một cán bộ thuộc biên chế của tổ chức hoặc một cán bộ của một bộ phận khác của tổ chức nhưng được lãnh đạo tổ chức ra quyết định giao nhiệm vụ thực hiện công tác BHLĐ.

Trường hợp người sử dụng lao động không thành lập bộ phận BHLĐ và không có cán bộ chuyên trách BHLĐ thì các chức năng nêu trên sẽ do chính người sử dụng lao động đảm nhận (người lãnh đạo của tổ chức) hoặc một cán bộ khác thuộc tổ chức này (nhưng được người sử dụng lao động giao toàn quyền).

Ngoài ra, để thực hiện công việc nêu trên có thể sử dụng chuyên gia bên ngoài hoặc tổ chức chuyên về lĩnh vực BHLĐ trên cơ sở hợp đồng pháp lý dân sự. Cơ cấu của bộ phận BHLĐ trực thuộc tổ chức và số lượng cán bộ, nhân viên của bộ phận đó sẽ do người sử dụng lao động (người lãnh đạo) quy định. Vấn đề chủ yếu ở đây là làm sao để công tác BHLĐ được thực hiện không chỉ "trên giấy tờ".

Báo cáo về công tác BHLĐ của tổ chức xây dựng phải bao gồm một số giai đoạn tổ chức, mỗi giai đoạn tổ chức bắt buộc phải được thực hiện trong một thời gian ngắn.

Tài liệu Hướng dẫn phương pháp sẽ giúp tổ chức các công tác thực tiễn về BHLĐ trong tổ chức xây dựng thông qua việc thực hiện công tác tổ chức về BHLĐ một cách có kế hoạch và phù hợp. Người sử dụng lao động bắt buộc phải thực hiện công tác đó phù hợp với Bộ luật Lao động hiện hành của LB Nga.

Tài liệu Hướng dẫn phương pháp cần bao gồm các mục sau:

- Các văn bản quy phạm pháp luật và văn bản kèm theo có nội dung tổng hợp liên quan đến định hướng công tác tổ chức;
- Các văn bản quy phạm pháp luật và văn bản kèm theo về việc thành lập Ban (Ủy ban) BHLĐ;

- Các văn bản quy phạm pháp luật và văn bản kèm theo về khám sức khỏe;

- Các văn bản quy phạm pháp luật và văn bản kèm theo về tổ chức công việc cấp và sử dụng các dụng cụ bảo vệ cá nhân.

Bản dự thảo của tài liệu cần phải được giới thiệu với người sử dụng dưới dạng một bản đề cương bố cục các tài liệu (các quy định, các quyết định, các danh mục, bản trích) hoặc được gắn với một tổ chức xây dựng có điều kiện kèm theo đầy đủ các điều kiện cần thiết và dữ liệu có điều kiện.

Bố cục nội dung của tài liệu hướng dẫn phương pháp có thể được thay đổi, kể cả cần được cấp phép phát hành và cần sự đồng thuận đối với các mục và nội dung của các mục và việc bổ sung các mục khác cần thiết cho việc nâng cao chất lượng công tác ATLĐ.

Tài liệu đã hoàn thành có thể được chuyển cho người sử dụng dưới dạng một tài liệu in, nội dung của tài liệu có thể được trình bày trên đĩa máy tính hoặc bằng các hình thức khác.

Kết luận

1. Tình trạng xảy ra nhiều tai nạn trong sản xuất kể cả tai nạn gây tử vong vẫn còn diễn ra ở LB Nga. Các số liệu thống kê chính thức về vấn đề này chưa thể hiện đầy đủ thực trạng của

vấn đề, đòi hỏi phải có thêm các nguồn thông tin đáng tin cậy khác ví dụ số liệu của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) cho thấy một bức tranh thống kê khác ở LB Nga.

2. Thông tin thống kê chính thức về tai nạn sinh hoạt trong nước còn thiếu vắng. Các nghiên cứu về tai nạn sinh hoạt còn ít và chủ yếu liên quan đến nguyên nhân của các tai nạn do điện trong đời sống.

3. Sự đa dạng của các biện pháp nhằm cải thiện tình trạng ATLĐ chắc chắn góp phần cải thiện tình hình, tuy nhiên cùng với việc áp dụng các giải pháp đã được nêu ra trước đây, công tác này đòi hỏi phải có các giải pháp mới, cách tiếp cận mới, phương pháp mới giúp bảo đảm đạt được mức độ an toàn tối thiểu.

4. Tài liệu Hướng dẫn phương pháp được đề nghị biên soạn nêu trên sẽ giúp tổ chức xây dựng thực hành công tác ATLĐ trong điều kiện thiếu nhân lực là các chuyên gia được đào tạo chuyên nghiệp về lĩnh vực BHLĐ.

Khuzyakhmetov R.A. và các tác giả

Nguồn: Bản tin Trường đại học tổng hợp

Kiến trúc - Xây dựng Kazan, số 4/2016

ND:Huỳnh Phước

Phát triển theo định hướng giao thông công cộng và thực tiễn đổi mới loại hình bãi đỗ xe

1. Phát triển theo định hướng giao thông công cộng thích hợp với phát triển đô thị Trung Quốc

Phát triển theo định hướng giao thông công cộng (TOD) là mô hình phát triển đô thị dựa trên giao thông công cộng, chủ yếu là vận tải đường sắt (tàu điện ngầm, đường sắt đô thị) và xe buýt, trong khoảng cách hợp lý đến trạm dừng của hệ thống giao thông công cộng từ 500-800m (8-10 phút đi bộ), với triết lý thiết kế lấy con người làm trung tâm để thiết lập các quảng trường trung tâm hoặc trung tâm đô thị. TOD

thực hiện phát triển hỗn hợp và phát triển tại chỗ, nhất thể hóa nơi làm việc, thương mại, văn hóa, giáo dục, nhà ở. Vì TOD tiến hành khai thác một cách có hiệu quả cao mật độ đối với khu vực trung tâm, làm cho đô thị trở lên chặt chẽ; TOD giúp cho người dân lựa chọn những phương tiện giao thông thuận tiện như phương tiện công cộng, xe đạp hoặc đi bộ..., là giải pháp hiệu quả nhằm giải quyết những căn bệnh của đô thị như vấn đề khó khăn trong việc đỗ xe ở những đô thị lớn.

Trung Quốc là nước có dân số đông, tài

nguyên đất đai ngày một hạn hẹp, do đó, “ưu tiên phát triển giao thông công cộng” đã trở thành vấn đề chiến lược. Lấy giao thông công cộng làm định hướng cho phát triển đô thị, cũng là một trong những sách lược chủ yếu trong việc giải quyết những khó khăn về giao thông ở các đô thị lớn của Trung Quốc. Phát triển đô thị ở Trung Quốc hiện nay đang diễn ra hai xu hướng chính, đó là cải tạo mới đô thị và ngoại ô hóa một cách nhanh chóng, có thể dẫn tới rủi ro về phát triển tràn lan, nhưng đó cũng là cơ hội để điều chỉnh tối ưu hóa hình thái và kết cấu đô thị nếu như mô hình TOD có thể nhanh chóng được áp dụng một cách có hiệu quả.

TOD phù hợp với chiến lược phát triển đô thị của Trung Quốc, cho tới cuối năm 2015 đã có 40 thành phố của Trung Quốc được phép xây dựng tàu điện ngầm, trong số đó, 23 thành phố đã có hệ thống tàu điện ngầm. Ngoài ra, còn nhiều thành phố khác được phép xây dựng đường sắt nhẹ đô thị. Theo kế hoạch, đến năm 2020, ước tính có khoảng trên 50 thành phố của Trung Quốc triển khai xây dựng đường sắt đô thị, đồng thời có nhiều thành phố phát triển hệ thống xe buýt nhanh BRT, do đó mô hình TOD đã có một nền tảng khá vững chắc để áp dụng ở Trung Quốc.

Đất đai của Trung Quốc là tài sản của quốc gia. Ở góc độ vĩ mô có thể thông qua cơ chế thu hồi đất..., nhanh chóng xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông công cộng. Ở góc độ vi mô, chính quyền có thể thông qua quy hoạch tiến hành kiểm soát đối với đất đai của địa phương. Do đó việc triển khai các dự án giao thông công cộng ở Trung Quốc là không mấy khó khăn.

Trung Quốc rất chú trọng tới công tác tăng cường xây dựng cơ sở hạ tầng. Hiện nay Chính phủ Trung Quốc đang xây dựng chính sách đầu tư cho đường sắt, trọng điểm của chính sách là xây dựng quỹ phát triển đường sắt bao gồm ngân sách nhà nước và huy động nhiều nguồn vốn của xã hội.

Ở góc độ vĩ mô Trung Quốc cũng hỗ trợ việc

lựa chọn mô hình TOD trong phát triển đô thị. Tháng 3/2014, Chính phủ Trung Quốc đã chính thức ban hành Nghị quyết “ quy hoạch đô thị quốc gia kiểu mới giai đoạn 2014 - 2020”, trong đó có xác định và đưa ra: Mô hình phát triển đô thị khoa học hợp lý. Mô hình khai thác phát triển loại hình chặt chẽ thâm canh với mật độ cao, đa chức năng và định hướng giao thông công cộng... làm chủ đạo. Chính quyền trung ương lần đầu tiên trong văn bản quan trọng đã đưa ra chỉ đạo về lựa chọn mô hình TOD, trên cơ sở đó nỗ lực xây dựng thí điểm, hoàn thiện chính sách và tăng cường năng lực cho mô hình TOD.

2. TOD và tính khả thi của việc đổi mới loại hình bãi đỗ xe

TOD là mô hình phát triển lấy giao thông công cộng làm định hướng, có thể thúc đẩy một cách tốt nhất việc khai thác sử dụng tổng hợp đất đai xung quanh những trạm giao thông công cộng, Trung Quốc đã quy hoạch và bắt đầu đi vào giai đoạn thực hiện. Bởi vì mô hình TOD tương đối thích hợp với quá trình phát triển của Trung Quốc hiện nay, vì thế các thành phố khác của Trung Quốc cũng đang tích cực thăm dò và áp dụng mô hình TOD. Dự tính tới năm 2020 sẽ có 50 thành phố đạt tiêu chuẩn về xây dựng tàu điện ngầm phù hợp với quốc gia.

Tăng cường xây dựng bãi đỗ xe có tính khả thi cao

Để giải quyết những khó khăn về đỗ xe ở Trung Quốc, từ năm 2010, Chính phủ Trung Quốc cùng các cơ quan có liên quan đã nhiều lần ban hành văn bản yêu cầu và chỉ đạo các thành phố tăng cường giải quyết khó khăn về đỗ xe ở đô thị. Ngày 18/9/2016, Bộ Tài nguyên môi trường và Bộ Nhà ở và phát triển đô thị nông thôn Trung Quốc đã phối hợp ban hành “Thông tư về việc nỗ lực hoàn thiện chính sách sử dụng đất đai và quy hoạch xây dựng bãi đỗ xe ở đô thị”, nhằm tăng cường giải quyết những khó khăn trong việc đỗ xe ở Trung Quốc.

Nguyên nhân dẫn tới những khó khăn trong việc đỗ xe là thiếu không gian và tiết kiệm tiền,

nếu cơ quan có liên quan của chính quyền tiến hành cải tạo hai bên đường, nỗ lực phổ biến xây dựng cơ sở hạ tầng đỗ xe loại hình mới, khi đó khó khăn của vấn đề thiếu không gian có thể được giải quyết.

3. TOD và bãi đỗ xe loại hình mới có thể xử lý được tận gốc những khó khăn về bãi đỗ xe

Ngành công nghiệp xe hơi ở Trung Quốc là ngành công nghiệp trụ cột, đất chật người đông, dẫn tới nhu cầu đỗ xe ban ngày rất lớn, do đó khó khăn trong việc đỗ xe ở đô thị không ngừng tăng cao. Nếu chính quyền sử dụng những chính sách ưu đãi, thu hút một lượng lớn mô hình TOD sử dụng các khu dân cư cũ nhằm giải quyết khó khăn trong việc đỗ xe ở trung tâm thành phố, có thể không ngừng giảm bớt áp lực khó khăn của việc đỗ xe ở trung tâm thành phố, đồng thời ở những nơi gặp khó khăn khi đỗ xe trong thành phố có thể bổ sung xây dựng những bãi đỗ xe nhất định, như vậy có thể tăng cường giải quyết được khó khăn của vấn đề đỗ xe ở trung tâm đô thị.

Để giải quyết khó khăn chung mà mọi thành phố lớn phát triển trên thế giới đều gặp phải tức là giải quyết mâu thuẫn giữa xe hơi hóa và bộ hành hóa, do đó cần tăng cường khai thác phát triển TOD một cách thích đáng, chọn dùng phương thức lưu hành bằng hình thức đi bộ + xe

đạp + xe công cộng + xe hơi. Từ đó có thể sơ tán được nhiều người dân ra khỏi trung tâm thành phố, có hiệu quả trong việc giải quyết khó khăn về vấn đề đỗ xe. Ví dụ với quy định thông thường dùng bán kính 800m tiến hành xây dựng TOD, vì không tính toán tới sử dụng xe hơi, vì thế gặp khó khăn đối với việc giải quyết đỗ xe của khu vực trung tâm thành phố cũ, tác dụng trợ giúp là tương đối ít. Nếu thay đổi bán kính TOD lên tới 1200m tức là tăng thêm 400m, số người dân ở phần bán kính tăng thêm 400m sẽ xem xét tới việc sử dụng xe hơi làm phương tiện giao thông, từ đó có thể có hỗ trợ lớn tới giải quyết khó khăn đỗ xe của khu vực đô thị cũ.

Nếu tiếp tục đưa ra nhiều biện pháp hơn nữa như tiếp tục hoàn thiện hệ thống giao thông công cộng, xây dựng hệ thống đường bộ dành cho xe đạp, ở những khu vực có mật độ cao thiết lập những hạn chế đối với giao thông đi lại, sử dụng mạng thông tin làm giảm tần suất sử dụng xe..., sẽ giúp tăng khả năng giải quyết khó khăn về đỗ xe ở đô thị trung tâm.

Lê Tiến

*Theo Tạp chí xây dựng đô thị nông thôn
số 12/2016*

ND: Khánh Ly

Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh dự Hội nghị đối thoại APEC 2017 về đô thị hóa bền vững

Ngày 14/5/2017, tại Trung tâm Hội nghị quốc gia, Hà Nội diễn ra Hội nghị đối thoại APEC 2017 về đô thị hóa bền vững. Tham dự Hội nghị có Thứ trưởng Bộ Xây dựng Phan Thị Mỹ Linh, Thứ trưởng Bộ Ngoại giao Bùi Thanh Sơn, Quyền Giám đốc quốc gia Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam - Giám đốc Điều phối danh mục và Hoạt động dự án, Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam Achim Fock, đại diện các nền kinh tế của APEC, các tổ chức quốc tế, tổ chức phi Chính phủ, đại diện các Bộ, ngành, địa phương.

Diễn đàn Hợp tác kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương (APEC) là diễn đàn của 21 nền kinh tế thành viên Vành đai Thái Bình Dương với mục tiêu tăng cường mối quan hệ về kinh tế trong khu vực Châu Á - Thái Bình Dương.

Thấy rõ được tầm quan trọng của việc quản lý, phát triển đô thị trong bối cảnh toàn cầu hóa và dưới tác động của Biến đổi khí hậu, trong các kỳ họp của APEC, các vấn đề phát triển đô thị thích ứng Biến đổi khí hậu đã được thảo luận và thông qua các nội dung quan trọng: Năm 2010, tại Nhật Bản đã thông qua “Chiến lược tăng trưởng APEC” với mục tiêu tăng trưởng toàn diện, bền vững và sáng tạo; năm 2013, tại Bali - Indonesia đã thông qua tuyên bố Bali công nhận đô thị hóa là một lĩnh vực phát triển của Vùng Châu Á - Thái Bình Dương; năm 2014, tại Trung Quốc, các nhà lãnh đạo APEC đã đưa ra sáng kiến hợp tác APEC về Đô thị hóa Châu Á - Thái Bình Dương và Các Bộ trưởng APEC nhất trí thành lập Nhóm bạn của Chủ tịch Hội nghị các quan chức cao cấp về đô thị hóa để định hướng quá trình đô thị hóa trong khu vực đồng thời khuyến khích tạo lập diễn đàn nhánh đưa các chủ đề về đô thị hóa vào chương trình làm việc; năm 2015, tại



Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh phát biểu tại Hội nghị

Philippines, các nhà lãnh đạo APEC thảo luận về việc tăng cường quan hệ hợp tác giữa các nền kinh tế APEC trong việc xây dựng mục tiêu phát triển đô thị và đô thị hóa bền vững; năm 2016, Diễn đàn Đô thị hóa Cấp cao APEC với chủ đề “Đô thị hóa và tăng trưởng bao trùm” diễn ra tại thành phố Ninh Ba, tỉnh Triết Giang, Trung Quốc đã thông qua Sáng kiến Ninh Ba tập trung chủ yếu vào 7 khía cạnh quan trọng trong vấn đề Đô thị hóa tại khu vực Châu Á - Thái Bình Dương.

Đến năm 2017, Chính phủ Việt Nam tổ chức Đối thoại APEC 2017 về đô thị hóa bền vững để thảo luận các vấn đề quan trọng của đô thị hóa bền vững nhằm đề xuất các khuyến nghị chính sách hỗ trợ “Các thành phố trở nên an toàn, vững chắc và bền vững”, đây cũng là một trong những mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc trong giai đoạn 2016 - 2030.

Tại Hội nghị đối thoại APEC 2017 về đô thị hóa bền vững, các đại biểu sẽ tập trung thảo luận các nội dung: Liên kết vùng trong phát triển đô thị hướng tới sự bền vững; phát triển nhà ở thích ứng với biến đổi khí hậu, các mô hình phát triển năng lượng hiệu quả và tăng trưởng xanh; phát triển các thành phố có khả

năng chống chịu và thích ứng biến đổi khí hậu; nghèo đa chiều... Thông qua kết quả đối thoại, các khuyến nghị chính sách sẽ được xây dựng chặt chẽ từ các bài trình bày và thảo luận từ các nền kinh tế phát triển của APEC.

Thứ trưởng Bộ Ngoại giao Bùi Thanh Sơn đã đánh giá cao sáng kiến tổ chức Hội nghị đối thoại APEC 2017 về đô thị hóa bền vững. Quá trình đô thị hóa nhanh chóng đã tạo ra những thách thức đòi hỏi các nước APEC phải xây dựng chiến lược phát triển các thành phố thông minh, sinh thái. Theo đó, vấn đề quy mô và tính phức hợp bền vững của những đô thị cần có sự đối thoại tốt trên quy mô toàn cầu.

Phát biểu tại Hội nghị, Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh cho biết: Sau 30 năm đổi mới, Việt Nam đã gắn kết quá trình đô thị hóa với tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng: Hệ thống đô thị Việt Nam đã có bước phát triển nhanh chóng cả về số lượng và chất lượng, mang lại nhiều giá trị sản xuất công nghiệp, giá trị xuất nhập khẩu, tiến bộ khoa học công nghệ và có tác dụng lan tỏa thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội ở các vùng và trong cả nước.

Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh cũng chỉ ra những thách thức mà Việt Nam phải tập trung giải quyết trong quá trình đô thị hóa, như: Tốc độ phát triển quá nhanh của đô thị đã vượt qua



Quang cảnh Hội nghị

khả năng điều hành của chính quyền địa phương, phát triển không đồng bộ giữa hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, dịch vụ thiếu kiểm soát, chênh lệch giàu nghèo, liên kết đô thị - nông thôn, tiết kiệm nguồn tài nguyên thiên nhiên... và các vấn đề mới nảy sinh mang tính toàn cầu như hội nhập, cạnh tranh đô thị, biến đổi khí hậu, mực nước biển dâng cao.

Trong khi đó, ông Achim Fock nhấn mạnh những yếu tố cần thiết để đạt được đô thị hóa bền vững, đó là: Chúng ta phải có chính sách quản lý đô thị một cách phù hợp, quy hoạch đô thị đa ngành và hiệu quả, tư duy tổng hợp về mặt không gian, chức năng ngành, chú trọng vai trò lãnh đạo của các địa phương.

Trần Đình Hà

Bộ Chính trị kiểm tra công tác quy hoạch, luân chuyển cán bộ tại Bộ Xây dựng

Ngày 16/5/2017, đoàn công tác của Bộ Chính trị do đồng chí Vương Đình Huệ, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Chính phủ làm Trưởng đoàn đã có buổi làm việc tại Bộ Xây dựng theo Quyết định số 471-QĐNS/TW của Bộ Chính trị thành lập Đoàn kiểm tra việc thực hiện Kết luận số 24-KL/TW ngày 5/6/2012 của Bộ Chính trị khóa XI về đẩy mạnh công tác quy

hoạch và luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý đến năm 2020 và những năm tiếp theo gắn với việc thực hiện Quy chế bổ nhiệm cán bộ và giới thiệu cán bộ ứng cử (Ban hành kèm theo Quyết định số 68-QĐ/TW ngày 4/7/2007 của Bộ Chính trị khóa X) đối với Ban Cán sự đảng Bộ Xây dựng.

Dự buổi làm việc với đoàn có đồng chí Phạm



Đồng chí Vương Đình Huệ, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Chính phủ, Trưởng đoàn kiểm tra số 471 của Bộ Chính trị phát biểu tại buổi làm việc với Ban Cán sự Đảng Bộ Xây dựng

Hồng Hà, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Ban Cán sự Đảng, Bộ trưởng Bộ Xây dựng; các đồng chí ủy viên Ban Cán sự Đảng Bộ Xây dựng; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Xây dựng.

Tại buổi làm việc, thay mặt đoàn kiểm tra số 471, đồng chí Mai Văn Chính, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Ban Tổ chức Trung ương, Phó trưởng đoàn kiểm tra đã công bố Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra của Bộ Chính trị và Kế hoạch kiểm tra tại Bộ Xây dựng.

Phát biểu tại buổi làm việc, đồng chí Vương Đình Huệ cho biết, công tác cán bộ là một trong những nội dung hết sức quan trọng trong toàn bộ công tác tổ chức và cán bộ, là một nội dung trọng tâm của công tác xây dựng đảng, trong đó quy hoạch và luân chuyển cán bộ là nhiệm vụ quan trọng trong các nhiệm vụ, giải pháp lớn theo Nghị quyết Trung ương III khóa VIII - chuyên đề về chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đã đề ra.

Trong công tác cán bộ, quy hoạch cán bộ là nội dung trọng yếu, đảm bảo cho công tác cán bộ trở nên chủ động, có tầm nhìn xa, đáp ứng cả nhiệm vụ trước mắt và lâu dài. Nghị quyết Trung ương III khóa VIII cũng nhấn mạnh cần phải luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý giữa các Bộ, các ngành và các cấp theo một quy

trình chặt chẽ và phải có chế độ, chính sách thích hợp. Để thực hiện Nghị quyết TƯ III Khóa VIII, đã có 02 kết luận rất quan trọng của Bộ Chính trị đó là kết luận số 24-KL/TW về đẩy mạnh công tác quy hoạch và luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý đến năm 2020 và Quyết định số 68-QĐ/TW của Bộ Chính trị khóa X quy định về Quy chế bổ nhiệm cán bộ và giới thiệu cán bộ ứng cử.

Đồng chí Vương Đình Huệ cho biết, quá trình thực hiện Kết luận số 24 và Quyết định số 68 của Bộ Chính trị thời gian qua, công tác tổ chức cán bộ của chúng ta đã đạt được rất nhiều kết quả, là một trong những nhân tố quan trọng góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng các thời kỳ. Bên cạnh những thành tích là cơ bản, trong công tác quy hoạch cán bộ, đào tạo, luân chuyển, sử dụng và đánh giá cán bộ của chúng ta vẫn còn có tình trạng thiếu chặt chẽ trong việc thực hiện các quy trình, các quy định, các tiêu chuẩn, thậm chí còn có những dễ dãi, dẫn đến những sai phạm trong công tác quy hoạch, đề bạt, bổ nhiệm, luân chuyển, đánh giá cán bộ, điển hình có một số vụ việc sai phạm gây bức xúc trong dư luận, làm ảnh hưởng đến uy tín của Đảng. Xuất phát từ tình trạng đó, trong năm 2017, Bộ Chính trị đã thành lập 5 đoàn công tác, tiến hành kiểm tra ở 10 Ban Thường vụ Tỉnh ủy và 05 Ban Cán sự Đảng của các Bộ, ngành Trung ương, trong đó có Bộ Xây dựng. Đây là việc kiểm tra chuyên đề, kiểm tra định kỳ theo chương trình công tác hàng năm của Bộ Chính trị và Ban Bí thư.

Theo kế hoạch, Đoàn Kiểm tra sẽ làm việc với Ban Cán sự Đảng Bộ Xây dựng và cấp ủy của 05 đơn vị trực thuộc Bộ Xây dựng về công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Kết luận số 24 gắn với việc thực hiện Quyết định 68 của Bộ Chính trị từ năm 2012 trở lại đây, báo cáo Bộ Chính trị trong tháng 6/2017.

Minh Tuấn

Khai mạc Triển lãm quốc tế VIETBUILD Hà Nội 2017 lần thứ hai

Ngày 17/5/2017, tại Cung Triển lãm Kiến trúc, Quy hoạch Xây dựng quốc gia (Hà Nội) đã chính thức khai mạc Triển lãm Quốc tế Vietbuild Hà Nội 2017 - lần 2 với chủ đề “Bất động sản - Trang trí nội ngoại thất - Vật liệu xây dựng”. Tham dự Lễ khai mạc có Thứ trưởng Bộ Xây dựng Bùi Phạm Khánh; Thứ trưởng Bộ Công thương Đỗ Thắng Hải; Phó Chủ tịch UBND TP. Hà Nội Nguyễn Văn Sửu; đại diện các Cục, Vụ thuộc Bộ Xây dựng và các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng.

Phát biểu tại Lễ khai mạc, ông Nguyễn Trần Nam - Chủ tịch Hiệp hội Bất động sản Việt Nam, Trưởng ban tổ chức Triển lãm cho biết, Triển lãm VIETBUILD Hà Nội 2017 lần hai có quy mô gần 1.000 gian hàng của 300 đơn vị, doanh nghiệp trong và ngoài nước đến từ 12 quốc gia như: Mỹ, Đức, Ý, Pháp, Nhật Bản, Hàn Quốc, Thái Lan, Trung Quốc, Malaysia, Singapore... Với sự tham gia tích cực của nhiều thương hiệu lớn đã phản ánh được bức tranh sinh động về sự phát triển và đóng góp của ngành Xây dựng và Bất động sản đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước.

Các sản phẩm được trưng bày và giới thiệu tại triển lãm bao gồm: bất động sản - thiết bị điện - cửa và phụ kiện cửa; trang trí nội thất; xây dựng - vật liệu xây dựng và các sản phẩm khác như thiết bị năng lượng mặt trời, hệ thống lọc không khí, hệ thống máy xử lý nước... Các sản phẩm này đã được các doanh nghiệp nghiên cứu và đầu tư với các dự án về nhà ở và bất động sản có quy mô lớn, quy mô vừa và nhỏ, các sản phẩm về vật liệu xây dựng và trang trí nội, ngoại thất có mẫu mã mới, tính



Thứ trưởng Bộ Xây dựng Bùi Phạm Khánh và các đại biểu thăm quan các gian hàng tại Triển lãm

năng, chất lượng được nâng cao nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của thị trường.

Theo Chủ tịch Hiệp hội Bất động sản Việt Nam, bất động sản đang là một trong các ngành thu hút được lượng vốn lớn nhất của nền kinh tế. Cùng với đó sự phát triển của du lịch Việt Nam đang đặt các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bất động sản trước rất nhiều cơ hội phát triển.

Trong khuôn khổ của Triển lãm, ngoài các hoạt động trưng bày và giới thiệu sản phẩm còn diễn ra các chương trình giao lưu, gặp gỡ giữa các Sở, ngành, các tổ chức Hiệp hội doanh nghiệp phía Bắc với các doanh nghiệp, tập đoàn tham gia Triển lãm.

Triển lãm Vietbuild Hà Nội lần thứ hai được tổ chức trong 5 ngày, từ 17 - 21/5/2017 tại Cung Triển lãm Kiến trúc, Quy hoạch Xây dựng Quốc gia.

Trần Đình Hà

Hội nghị biểu dương các tấm gương lao động giỏi, lao động sáng tạo toàn quốc ngành Xây dựng năm 2017

Ngày 17/5/2017, tại Bảo tàng Hồ Chí Minh (quận Ba Đình, Hà Nội), Bộ Xây dựng phối hợp với Công đoàn Xây dựng Việt Nam (CĐXDVN) tổ chức Hội nghị Biểu dương 188 lao động giỏi, lao động sáng tạo toàn quốc ngành Xây dựng năm 2017. Tham dự Hội nghị có Thứ trưởng Bộ Xây dựng Phan Thị Mỹ Linh, Phó Chủ tịch Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam Nguyễn Thị Thu Hồng, Chủ tịch Công đoàn Xây dựng Việt Nam Nguyễn Thị Thủy Lệ.

Phát biểu khai mạc, bà Nguyễn Thị Thủy Lệ biểu dương những thành tích của các điển hình tiên tiến và những đóng góp của ngành Xây dựng trong những năm qua, đồng thời nhấn mạnh sự nỗ lực của CĐXDVN trong việc phát hiện, biểu dương những điển hình tiên tiến nhằm đẩy mạnh hơn nữa các phong trào thi đua trong toàn Ngành, đặc biệt là phong trào lao động giỏi, lao động sáng tạo.

Bà Nguyễn Thị Thủy Lệ cho biết, Hội nghị biểu dương điển hình tiên tiến lao động giỏi, lao động sáng tạo trong ngành Xây dựng là hoạt động thường niên của CĐXDVN và Bộ Xây dựng, nhằm tôn vinh những tấm gương điển hình trong lao động sản xuất, đồng thời đề ra phương hướng cho công tác thi đua khen thưởng trong những năm tiếp theo để thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị mà Đảng và Chính phủ đã giao cho ngành Xây dựng Việt Nam.

Thực hiện Chỉ thị số 34/CT-TW ngày 07/4/2015 của Bộ Chính trị (khóa XI) về “Tiếp tục đổi mới công tác thi đua, khen thưởng”, Nghị quyết của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam (TLĐLĐVN) về “Tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong công nhân viên chức lao động (CNVCLĐ) và tổ chức Công đoàn”, trong những năm qua, Công đoàn Xây dựng Việt Nam và các cấp công đoàn trong Ngành đã có



Thừa ủy quyền của Chủ tịch nước, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Phan Thị Mỹ Linh trao Huân chương Lao động hạng Ba của Chủ tịch nước cho 3 cá nhân tiêu biểu ngành Xây dựng

nhiều đổi mới về nội dung, phương thức, hình thức tổ chức các phong trào thi đua yêu nước.

Với phương châm thiết thực, hiệu quả, hướng về cơ sở và người lao động, CĐXDVN đã chỉ đạo và hướng dẫn các cấp công đoàn phối hợp với bộ phận chuyên môn phát động các phong trào thi đua: “Lao động giỏi, lao động sáng tạo”, “Giỏi việc nước, đảm việc nhà”, “Xanh, sạch, đẹp, bảo đảm an toàn vệ sinh lao động”, “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”... Thông qua những phong trào thi đua, định kỳ sơ kết, tổng kết hoạt động, CĐXDVN đã phát hiện, bồi dưỡng, biểu dương khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc.

Năm 2016, phong trào thi đua “Lao động giỏi, lao động sáng tạo” trong ngành Xây dựng tiếp tục được nhân rộng và đẩy mạnh, toàn Ngành có 1.201 sáng kiến, đề tài được áp dụng với tổng giá trị làm lợi hơn 418,6 tỷ đồng, tổng số tiền thưởng cho các sáng kiến là trên 9 tỷ đồng. Điển hình trong phong trào này là các đơn vị thuộc các Tổng công ty: VICEM, Sông Đà, LICOGI, LILAMA, VIGLACERA.

Qua các phong trào thi đua, CĐXDVN và nhiều tập thể, cá nhân của các đơn vị trực thuộc đã có thành tích xuất sắc được các cấp trao tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng, cụ thể: CĐXDVN được Chính phủ tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Nhì và Cờ Thi đua; 1 cá nhân được tặng Huân chương Lao động hạng Nhất; 1 cá nhân được tặng Huân chương Lao động hạng Nhì; 1 tập thể, 5 cá nhân được tặng Huân chương Lao động hạng Ba; 1 tập thể và 39 cá nhân được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; 1 tập thể và 1 cá nhân được Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam và Ban Thi đua Khen thưởng Trung ương xét chọn để tuyên truyền và nhân rộng; 1 cá nhân được dự và báo cáo tại Hội nghị Tổng kết điển hình Ngành thi đua, khen thưởng toàn quốc.

Tại Hội nghị, Bộ Xây dựng và CĐXDVN biểu dương 188 cá nhân điển hình tiên tiến trong phong trào thi đua lao động giỏi, lao động sáng tạo toàn quốc ngành Xây dựng năm 2017, đại diện cho hơn 260.000 CNVCLĐ, được bầu chọn từ 1.500 đơn vị, cơ sở của 47 tổng công ty, công ty, đơn vị khối trực thuộc và 43 ngành Xây dựng địa phương. Trong đó, 3 cá nhân được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba của Chủ tịch nước; 13 cá nhân được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; 7 cá nhân được nhận Bằng Lao động sáng tạo; 22 cá nhân được nhận Bằng khen của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam; 22 cá nhân được nhận Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Xây dựng; 121 cá nhân được nhận Bằng khen của CĐXDVN.

Phát biểu tại Hội nghị, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Phan Thị Mỹ Linh biểu dương và ghi nhận những đóng góp quan trọng của các tập thể, cá nhân trong các phong trào thi đua yêu nước ngành Xây dựng. Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh đánh giá các cá nhân được biểu dương khen thưởng tại Hội nghị là những tấm gương tiêu biểu của Ngành, thể hiện tinh thần dám nghĩ, dám làm, biết vượt qua những khó khăn của bản thân, của đơn vị để hoàn thành xuất sắc



Thừa ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Phan Thị Mỹ Linh trao Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho các cá nhân tiêu biểu ngành Xây dựng

nhệm vụ được giao. Thứ trưởng mong muốn trong thời gian tới, ngành Xây dựng sẽ có nhiều hơn nữa những điển hình tiên tiến, lao động sáng tạo, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và phát triển Ngành, phát triển đất nước.

Thay mặt Đoàn Chủ tịch TLĐLĐVN, Phó Chủ tịch TLĐLĐVN Nguyễn Thị Thu Hồng đánh giá cao và chúc mừng những kết quả đạt được trong các phong trào thi đua lao động giỏi, lao động sáng tạo do CĐXDVN phát động. Phó Chủ tịch TLĐLĐVN bày tỏ mong muốn các cá nhân được biểu dương sẽ tiếp tục có những sáng kiến, đồng thời những sáng tạo được nhân rộng và tăng cường hiệu quả

Kết thúc Hội nghị, Chủ tịch Công đoàn Xây dựng Việt Nam Nguyễn Thị Thủy Lệ kêu gọi toàn thể cán bộ, đoàn viên, CNVCLĐ Ngành Xây dựng tiếp tục phát huy truyền thống vẻ vang của giai cấp công nhân và tổ chức Công đoàn Việt Nam, nêu cao tinh thần chủ động sáng tạo và ý thức trách nhiệm, tích cực triển khai các phong trào thi đua yêu nước, đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của từng đơn vị và toàn Ngành, lập thành tích chào mừng Đại hội Công đoàn các cấp tiến tới Đại hội XIII CĐXDVN, Đại hội XII Công đoàn Việt Nam.

Trần Đình Hà

Hội thảo "Hoàn thiện hệ thống định mức và giá xây dựng phù hợp với kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế"

Ngày 26/5/2017, tại Hà Nội, Bộ Xây dựng tổ chức Hội thảo "Hoàn thiện hệ thống định mức và giá xây dựng phù hợp với kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế". Thứ trưởng Bộ Xây dựng Bùi Phạm Khánh chủ trì buổi Hội thảo.

Tham dự Hội thảo còn có Thứ trưởng Bộ Giao thông vận tải Nguyễn Ngọc Đông; Phó Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội Nguyễn Thế Hùng; đại diện các cơ quan Trung ương, các địa phương; các Hội, Hiệp hội chuyên ngành; các trường đại học, viện nghiên cứu; các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng; các chuyên gia trong nước và quốc tế.

Phát biểu khai mạc Hội thảo, Thứ trưởng Bùi Phạm Khánh cho biết, trong những năm qua, hệ thống định mức và giá xây dựng luôn luôn được cập nhật, bổ sung và đã phát huy được vai trò tích cực và quan trọng trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng phù hợp với từng thời kỳ. Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện nay có nhiều thay đổi về pháp luật xây dựng, sự đa dạng về loại hình đầu tư và nguồn vốn đầu tư, sự phát triển của khoa học công nghệ xây dựng, năng suất lao động ... đã đặt ra những yêu cầu phải đổi mới trong công tác quản lý chi phí đầu tư xây dựng, đặc biệt là hệ thống định mức và giá xây dựng.

Triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 05/NQ-TW ngày 01/11/2016, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 27/2017/NQ-CP ngày 21/2/2017, trong đó giao Bộ Xây dựng chủ trì "Nghiên cứu xây dựng Đề án hoàn thiện hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật, suất đầu tư và giá trong lĩnh vực xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ trong Quý II năm 2017". Hiện Bộ Xây dựng đang song song triển khai Đề án "Hoàn thiện hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật ngành Xây dựng" và



Thứ trưởng Bùi Phạm Khánh phát biểu khai mạc Hội thảo

Đề án "Hoàn thiện hệ thống định mức và giá xây dựng" trình Thủ tướng Chính phủ theo tiến độ.

Thứ trưởng Bùi Phạm Khánh cho biết thêm, định hướng cho việc hoàn thiện hệ thống định mức và giá xây dựng là sẽ chuyển đổi cơ chế quản lý từ công bố sang ban hành (ban hành áp dụng đối với dự án sử dụng vốn nhà nước, dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư); Đổi mới phương pháp xây dựng và quản lý hệ thống định mức xây dựng và dịch vụ công ích đô thị theo định mức năng suất; Đổi mới quản lý giá xây dựng theo vùng và phù hợp với thị trường, theo điều kiện xây dựng và gắn với kế hoạch triển khai dự án...

Tại Hội thảo này, thay mặt cơ quan soạn thảo, ông Phạm Văn Khánh - Vụ trưởng Vụ Kinh tế xây dựng (Bộ Xây dựng) đã trình bày tóm tắt nội dung của Đề án.

Hội thảo cũng đã nghe các báo cáo tham luận của đại diện các cơ quan quản lý nhà nước ở Trung ương, địa phương, các viện nghiên cứu, hội nghề nghiệp, doanh nghiệp, các tổ chức quốc tế... đóng góp ý kiến cho Đề án như: Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài chính, Kiểm toán Nhà nước, UBND thành phố Hà Nội, UBND thành phố Hồ Chí Minh, Tổng hội



Quang cảnh Hội thảo

Xây dựng Việt Nam, Viện nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương; Ngân hàng Thế giới (WB); Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA)...

Thông qua hội thảo, Bộ Xây dựng sẽ tiếp thu, tổng hợp, cập nhật ý kiến tham luận của các đại biểu để hoàn thiện Đề án Hoàn thiện hệ thống định mức và giá xây dựng, dự kiến trình

Thủ tướng Chính phủ trong tháng 6 năm 2017.

Bộ Xây dựng cũng đặt mục tiêu đến năm 2018 hoàn thiện việc rà soát các định mức đã công bố theo hướng khắc phục các bất cập về thuyết minh áp dụng, công nghệ; Hoàn thiện các phương pháp xây dựng hệ thống định mức và giá xây dựng mới phù hợp với cơ chế thị trường của Việt Nam và thông lệ quốc tế; Sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chi phí đầu tư xây dựng và dịch vụ đô thị.

Đến năm 2020, hệ thống định mức và giá xây dựng được thiết lập theo phương pháp mới đã hoàn thiện; hướng dẫn, phổ biến các cơ chế, chính sách, các phương pháp lập định mức và giá xây dựng mới, các tập định mức và giá xây dựng mới lập.

Minh Tuấn

Một số đối sách quan trọng giúp nâng cao lợi nhuận cho doanh nghiệp xây dựng

Cùng với việc thị trường xây dựng đang ngày càng cạnh tranh khốc liệt, các doanh nghiệp xây dựng cũng phải đối mặt với khó khăn về giá trị lợi nhuận, kìm hãm sự phát triển chung của doanh nghiệp, khiến doanh nghiệp phải gồng mình chống lại với nhiều thách thức, do đó, việc lựa chọn các biện pháp hiệu quả để việc nâng cao lợi nhuận cho doanh nghiệp là việc làm cần thiết phải nhanh chóng thực hiện.

1. Thay đổi quan niệm và mở rộng phạm vi kinh doanh

Trước hết, phải không ngừng tạo ra những bước đột phá nâng cao giá trị doanh nghiệp, cần dựa trên những thông lệ quốc tế để thực hiện. Đối với những công trình thi công của doanh nghiệp xây dựng hoạt động theo mô hình truyền thống cần từng bước hỗ trợ kế hoạch dự án, thời gian chuẩn bị, đánh giá dự án, khảo sát thiết kế, thực hiện quản lý, mua sắm vật liệu, thi công lắp đặt đến quản lý tài sản, đồng thời từng bước

tham gia tổng thầu các dự án công nghiệp lớn có giá trị sản lượng cao như: trạm điện, dây truyền thiết bị, hoá dầu..., như vậy vừa thích ứng với yêu cầu và nhu cầu của thị trường thầu công trình quốc tế hiện đại, vừa nâng cao lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Tiếp đến, doanh nghiệp cần hoàn thiện các chức năng sản xuất và quản lý, mở rộng phạm vi kinh doanh, từ phạm vi hẹp chỉ nhận thầu dự án xây dựng nhà ở truyền thống thông thường nay chuyển hướng nhận thầu cả những công trình xây dựng khác, như: cơ quan hành chính, trang trí, kết cấu thép, thuỷ lợi, thuỷ điện, đường giao thông, đường sắt, cầu cảng, điện lực, hoá dầu, môi trường, thông tin điện tử..., mở rộng không gian phát triển, thực hiện đa lĩnh vực nhận thầu công trình.

Trong lĩnh vực kinh doanh, ngoài việc mở rộng tham gia vào thị trường xây dựng cạnh tranh trong nước. Cần tăng cường thâm nhập

vào thị trường quốc tế, tham gia vào những công trình có quy mô lớn, có vốn đầu tư nhiều.

2. Thiết lập cơ quan chuyên môn và tích cực thanh toán các khoản nợ

Điểm quan trọng trong việc nâng cao chất lượng hợp đồng ký kết giữa các bên chính là phòng tránh những rủi ro liên quan có thể xảy ra sau này. Khi ký kết hợp đồng cần lưu ý tới những vấn đề liên quan tới số lượng và thanh toán như: chi phí khi dự án có sự thay đổi, điều chỉnh giá cả và mức bồi thường..., ghi rõ những quy định về quyền và nghĩa vụ, trình tự, quy tắc, thời hạn thực hiện của các bên. Ngoài việc doanh nghiệp xây dựng căn cứ vào hợp đồng thầu dự án để thực hiện thi công đúng tiến độ, còn phải kịp thời quyết toán các chi phí công trình. Nhanh chóng quyết toán chi phí giữa kỳ cho công trình đang thi công, đồng thời cũng phải chú trọng và kịp thời quyết toán cho những công trình đã hoàn thành. Là một doanh nghiệp xây dựng, trước hết phải biết tập hợp và xử lý tốt những thông tin, nắm rõ và quyết toán những số liệu do chủ đầu tư cung cấp và thẩm tra đối chiếu những khoản đã thanh toán cho công trình.

Lãnh đạo của doanh nghiệp xây dựng phải xem công tác thanh toán nợ là một việc làm quan trọng, giống như khi doanh nghiệp tham gia đấu thầu vậy. Do đó phải thiết lập cơ cấu chuyên môn xử lý công việc này, phối hợp với những người chuyên trách (bao gồm cả cố vấn pháp lý), để thực hiện tốt về mặt lãnh đạo, cơ cấu, nhân viên, tài sản và có biện pháp thực hiện phù hợp. Cần thiết lập riêng bộ phận chuyên trách thanh toán nợ, bộ phận này sẽ do Kế toán trưởng hoặc Kinh tế trưởng trực tiếp lãnh đạo, phụ trách phối hợp và xử lý các vấn đề liên quan tới những khoản truy thu của công trình, đồng thời có những biện pháp khuyến khích thanh toán, tích cực trong việc điều động các nhân viên nhanh chóng thu hồi các khoản nợ cho công trình; thiết lập báo cáo định kỳ công việc thanh toán nợ công trình và thiết lập bản danh sách thanh toán các khoản nợ, như

vậy việc truy thu, phân loại, sắp xếp theo thứ tự sẽ dễ dàng hơn rất nhiều, đồng thời còn thuận lợi cho việc thực hiện thanh toán nợ tại bất cứ thời điểm nào.

3. Tăng cường quản lý để nâng cao chất lượng sản phẩm và hạ thấp giá thành

Thiết lập chiến lược nâng cao chất lượng sản phẩm và hạ thấp giá thành là việc làm rất cần thiết, bởi thông qua việc nâng cao chất lượng xây dựng, nhất định doanh nghiệp ấy sẽ tạo được uy tín và nhận được nhiều hợp đồng kinh doanh hơn, còn thông qua việc quản lý hạ thấp giá thành, sẽ giúp doanh nghiệp ấy nâng cao hiệu quả lợi nhuận. Hiện nay, các cấp quản lý trong doanh nghiệp xây dựng, cũng đang từng bước thay đổi phương thức phân thầu dự án mà trước đây các doanh nghiệp vẫn hay áp dụng, nay chuyển sang mô hình quản lý trực tiếp, như vậy sẽ dễ dàng hơn trong việc quản lý giá thành và đảm bảo chất lượng thi công. Thông qua cách quản lý như vậy, có thể nâng cao quản lý một cách chi tiết hơn và đây cũng chính là cách thức giúp doanh nghiệp thay đổi, phát triển và nâng cao lợi nhuận.

Đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ quản lý dự án theo mô hình phù hợp, qua đó giúp họ hiểu rõ hơn về các chính sách, pháp luật, biết cách quản lý, kinh doanh, am hiểu kỹ thuật, đồng thời còn nâng cao trình độ quản lý kinh doanh cho doanh nghiệp. Thiết lập kiện toàn cơ chế khích lệ và hạn chế, từ đó tìm ra được nhân tài, bồi dưỡng họ và tạo điều kiện giúp họ phát huy năng lực của mình.

Dựa trên sự tiến bộ về khoa học, nâng cao hiệu quả kinh tế cho doanh nghiệp. Căn cứ vào những nhu cầu phát triển kinh doanh và thực hiện các dự án lớn trên thị trường, doanh nghiệp cần tổ chức một đội ngũ có năng lực chuyên thực hiện các dự án xây dựng và các dự án theo chủ đề nghiên cứu, một mặt sẽ tạo ra một loạt thành quả nghiên cứu khoa học và kỹ thuật, phục vụ theo nhu cầu của những doanh nghiệp phát triển, mặt khác, giúp nâng cao lực cạnh

tranh và năng lực đổi mới kỹ thuật của doanh nghiệp. Thông qua các dự án lớn đang được xây dựng, tổ chức mở rộng và ứng dụng kỹ thuật mới, công nghệ mới và phương thức quản lý mới, nâng cao hàm lượng khoa học kỹ thuật cho công trình đang xây dựng. Dựa trên những nguyên tắc đem lại lợi nhuận kinh tế cao nhất, hiệu quả nhất, lựa chọn tổ chức thiết kế thi công phù hợp, dựa trên sự đổi mới quản lý và kỹ thuật giảm mức đầu tư, nâng cao chất lượng, tăng tiến độ, đảm bảo an toàn, từ đó tạo ra hiệu quả lợi ích cho dự án.

Doanh nghiệp thi công, một mặt nhất thiết lựa chọn kỹ thuật mới, công nghệ mới, thiết bị mới, vật liệu mới, để nâng cao năng suất lao động, mặt khác bằng mọi cách phải hạ thấp mức tiêu thụ các vật liệu. Trong quá trình quản lý dự án, luôn chú trọng tới việc hạ thấp giá thành, chú trọng tới việc quản lý tại công trường, tất cả mọi việc phải được tiến hành một cách rõ ràng và chi tiết, từ chi phí vật liệu, nhân công, các ca máy phải luôn trong tầm kiểm soát, giảm chi ở mức thấp nhất.

4. Nâng cao năng lực tài chính và mở rộng tài chính

Từ nguồn vốn hạn hẹp, nếu biết cách và cố gắng, sẽ mang hiệu quả cho doanh nghiệp, thậm chí còn giúp cho doanh nghiệp giảm phát

sinh mâu thuẫn và tăng nguồn vốn đầu tư, nhưng nhất thiết phải đảm bảo nguồn vốn của doanh nghiệp được cung cấp và sử dụng đúng mục đích và luôn luôn được lưu động.

Từng bước mở rộng liên kết tài chính với bên ngoài, chủ động nâng cao lực cạnh tranh của doanh nghiệp và hợp tác với các ngân hàng cho vay tín dụng. Doanh nghiệp xây dựng cần chủ động trong các khoản thu phí: quyền sử dụng đất, thế chấp, thiết bị công trình... đảm bảo doanh nghiệp được hưởng các ưu đãi về: lãi suất, phí phục vụ, điều kiện được xét duyệt cho vay...

Doanh nghiệp cần tích cực chủ động để có được nguồn vốn hỗ trợ đối với các dự án ở nước ngoài như: nguồn kinh phí chuyên dụng để xử lý những rủi ro đặc biệt, giúp doanh nghiệp giải quyết trong việc thực hiện đấu thầu, tạm ứng các công trình ở nước ngoài. Những việc phát sinh trong quá trình nhận thầu công trình ở nước ngoài, doanh nghiệp xây dựng phải chủ động nhận được sự ưu đãi về kinh phí trong các thủ tục, đảm bảo các phí luôn ở mức thấp nhất.

Trần Pháp

Nguồn: <http://www.jzsbs.com> (Thời báo Xây dựng Trung Quốc ngày 20/2/2017)

ND: Bích Ngọc

HỘI THẢO “HOÀN THIỆN HỆ THỐNG ĐỊNH MỨC VÀ GIÁ XÂY DỰNG PHÙ HỢP VỚI KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ”

Hà Nội, ngày 26 tháng 5 năm 2017



Thứ trưởng Bùi Phạm Khánh phát biểu khai mạc Hội thảo



Quang cảnh Hội thảo